

**MỤC LỤC**

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
PHẦN I:.....	3
SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....	9
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng sử dụng đất.....	9
2.2. Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất .....	18
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	22
Phần II: .....	34
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	34
1.1. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng .....	34
1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	69
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	73
I. KẾT LUẬN .....	73
II. KIẾN NGHỊ .....	74

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm vừa qua; huyện đã đảm bảo việc dành quỹ đất hợp lý cho phát triển các ngành, lĩnh vực, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ, khu dân cư... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... cơ bản thực hiện trên cơ sở tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Chương III Điều 54 quy định như sau: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 khoản 4 quy định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập cho các cấp lãnh thổ hành chính (cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện) nhằm phân bổ đất đai đầy đủ, tiết kiệm, hợp lý cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Xín Mần là huyện vùng cao, đồi núi; địa hình khá phức tạp, chia cắt thành các khe suối, có độ dốc lớn. Huyện được thiên nhiên ưu đãi nên thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái; du lịch tham quan nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch thể thao... huyện có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, có nhiều phong tục tập quán, văn hóa truyền thống. Huyện đã phát huy kết quả của những năm đầu xây dựng và phát triển, với truyền thống cách mạng, giàu lòng yêu nước, đoàn kết một lòng quyết tâm xây dựng huyện Xín Mần văn minh, giàu đẹp; huyện sẽ tiếp tục giành được nhiều thành tựu quan trọng góp phần tạo đà vững chắc cho sự phát triển đi lên của huyện, vì mục tiêu “ *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Với sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để đáp ứng được yêu cầu về công tác quản lý, sử dụng đất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Căn cứ vào kỳ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện; đồng thời phục vụ cho việc quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên đất đai

một cách khoa học, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao làm căn cứ để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện trong năm 2023, UBND huyện Xín Mần đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng có liên quan phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập: **“Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang”**.

Việc lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Xín Mần được thực hiện theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; với mục tiêu kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, cũng như đảm bảo sự phù hợp giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch sử dụng đất.

Điều chỉnh quy hoạch nhằm đáp ứng tốt các nhu cầu sử dụng đất trên cơ sở đặc tính tài nguyên đất, mục tiêu dài hạn để phát triển kinh tế - xã hội và các điều kiện của huyện. Vậy phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất nhằm được các mục tiêu sau:

- Lập cơ sở để quản lý thống nhất đất đai trong lãnh thổ và làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất... theo đúng thẩm quyền.

- Cụ thể hoá quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang và làm căn cứ định hướng cho quy hoạch của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Xín Mần, tránh tình trạng chồng chéo quy hoạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, phục vụ cho công tác quản lý đất đai một cách khoa học, tiết kiệm và có hiệu quả. Tạo tiền đề để xây dựng cơ sở tin học hóa các nguồn dữ liệu quy hoạch phục vụ quản lý, sử dụng đất.

- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế có liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

## **PHẦN I:**

### **SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **1.1. Căn cứ pháp lý**

###### ***1.1.1. Các văn bản của trung ương***

- Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013, Điều 53, 54;
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2009;
- Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2017;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 07 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của trung tâm văn hóa - thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 03 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 2393/2014/VBHN-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021 – 2025.

### ***1.1.2. Các văn bản của địa phương***

- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang về ban hành bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020 - 2024;

- Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Xín Mần;

- Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;

- Văn bản số 568/UBND-KTTH ngày 08 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Hà Giang.

## **1.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ**

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 huyện Xín Mần;
- Niên giám thống kê năm 2022 huyện Xín Mần;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Xín Mần;
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng huyện Xín Mần;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Xín Mần;
- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Xín Mần;
- Các tài liệu, số liệu và bản đồ khác có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

## **1.3. Mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của việc lập Điều chỉnh quy hoạch**

### **1.3.1. Mục đích**

Việc lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là cơ sở cho việc thu hồi, giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động tối đa nguồn lực từ các dự án đầu tư, khắc phục tình trạng giao đất, cho thuê



đất, chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan, tránh tình trạng hoang hóa đất đai, gây lãng phí tài nguyên đất, đảm bảo hài hòa giữa các mục đích sử dụng đất, phù hợp với mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu đô thị, nông thôn và các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đáp ứng đủ yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Xín Mần nói chung và các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

### **1.3.2. Yêu cầu**

Nội dung Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Xín Mần phải phù hợp với quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo tính khả thi, tính khoa học, phù hợp với quy hoạch của tỉnh đã được định hướng, các chỉ tiêu được quy hoạch đảm bảo đất đai được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố, nhu cầu của thị trường, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện;

Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, nội dung theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT.

### **1.3.3. Nhiệm vụ**

- Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Xây dựng bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Xác định các giải pháp tổ chức, thực hiện Điều chỉnh quy hoạch.

## II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

### 2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng sử dụng đất

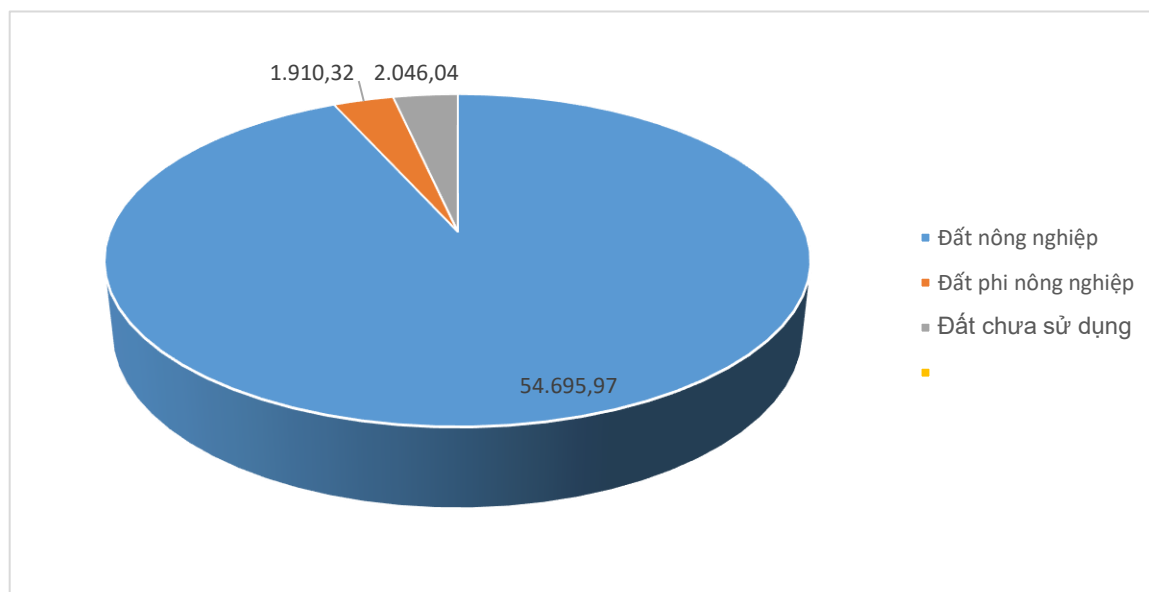
Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023 tổng diện tích tự nhiên của huyện Xín Mần năm 2023 là 58.652,33 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích là 54.695,97 ha, chiếm 93,25% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp có diện tích là 1.910,32 ha, chiếm 3,26% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất chưa sử dụng có diện tích là 2.046,04 ha, chiếm 3,49% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

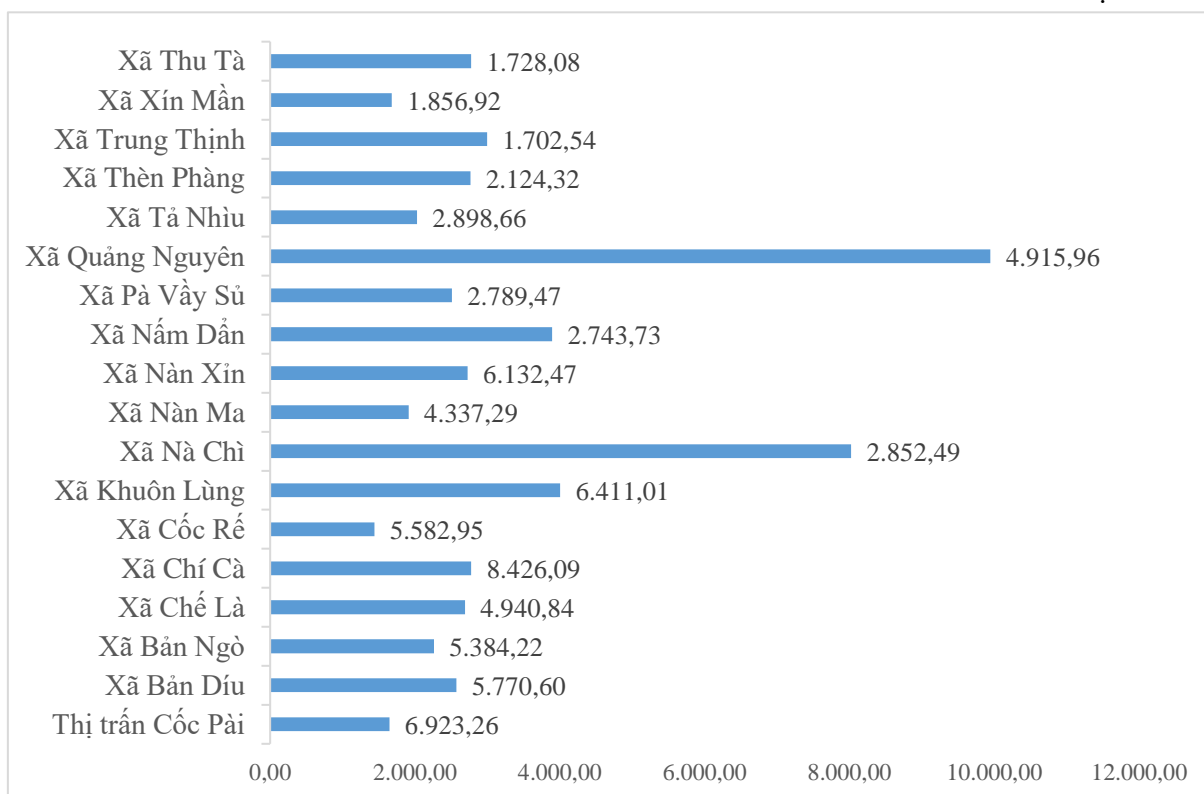
**Biểu đồ 01: Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất năm 2023  
huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang**



Quỹ đất tự nhiên của huyện phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính. Đơn vị có diện tích lớn nhất là xã Quảng Nguyên với diện tích 9.948,46 ha; các đơn vị có diện tích nhỏ là thị trấn Cốc Pài có diện tích 1.646,06 ha; xã Cốc Rế có diện tích 1.440,14 ha; xã Xín Mần có diện tích 1.680,04 ha; xã Nàn Ma 1.912,48 ha.

**Biểu đồ 02: Diện tích tự nhiên các đơn vị hành chính cấp xã**

Đơn vị tính: ha



**a. Đất nông nghiệp**

**Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2023 huyện Xín Mần**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>54.695,97</b>	<b>93,25</b>
1	Đất trồng lúa	LUA	3.066,03	5,23
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>852,00</i>	<i>1,45</i>
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	18.585,17	31,69
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.729,91	2,95
4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.968,36	28,93
5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
6	Đất rừng sản xuất	RSX	14.321,31	24,42
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>11.531,58</i>	<i>19,66</i>
7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15,58	0,03
8	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,62	0,02

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2023 huyện Xín Mần)

Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2023 diện tích đất nông nghiệp của huyện Xín Mần là 54.695,97 ha, chiếm 93,25% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích, cơ cấu các loại đất nông nghiệp cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.066,03 ha, chiếm 5,61% diện tích đất nông nghiệp của huyện; chiếm 5,23% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 852,00 ha, chiếm 1,56% diện tích đất nông nghiệp. Các xã có diện tích đất trồng lúa lớn bao gồm: xã Quảng Nguyên 327,82 ha; xã Trung Thịnh 343,74 ha; xã Thèn Phàng 232,67 ha; xã Nàn Chì 294,78 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 18.585,17 ha, chiếm 33,98% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác phân bố tại 18/18 xã, thị trấn, tập trung nhiều nhất tại xã Pà Vầy Sủ 1.356,51 ha; xã Quảng Nguyên 2.201,62 ha; xã Nàn Ma 1.262,27 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.729,91 ha, chiếm 3,16% diện tích đất nông nghiệp. Xã có diện tích lớn nhất là: xã Khuôn Lùng 223,41 ha; xã Nàn Chì 332,81 ha; xã Thu Tà 145,44 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích đất rừng phòng hộ là 16.968,36 ha, chiếm 31,02% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất rừng phòng hộ tập trung nhiều nhất tại xã Quảng Nguyên 4.101,45 ha; xã Nàn Chì 3.597,29 ha; xã Nấm Dẩn 2.040,65 ha.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích đất rừng sản xuất là 14.321,31 ha, chiếm 26,18% diện tích đất nông nghiệp, trong đó diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 11.531,58 ha, chiếm 19,66% tổng diện tích đất tự nhiên, chiếm 21,08% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện. Diện tích đất rừng sản xuất phân bố nhiều nhất tại xã Nàn Chì 2.571,49 ha; xã Quảng Nguyên 2.398,42 ha; xã Khuôn Lùng 1.767,05 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 15,58 ha, chiếm 0,03% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản gồm các ao, hồ thả cá tập trung tại thị trấn Cốc Pài 0,45 ha; xã Khuôn Lùng 3,64 ha; xã Nàn Chì 1,88 ha; xã Nấm Dẩn 1,21 ha; xã Quảng Nguyên 8,41 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích đất nông nghiệp khác là 9,62 ha, chiếm 0,02% diện tích đất nông nghiệp. Hiện trạng đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện còn rất ít chưa đáp ứng nhu cầu về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện vì vậy trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

đến năm 2030 cần phân bổ thêm quỹ đất nông nghiệp khác tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

**b. Đất phi nông nghiệp**

**Bảng 02: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2023 huyện Xín Mần**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.910,32</b>	<b>3,26</b>
1	Đất quốc phòng	CQP	28,86	0,05
2	Đất an ninh	CAN	0,85	0,00
3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	7,95	0,01
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,28	0,00
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,66	0,02
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4,59	0,01
9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	965,14	1,65
-	Đất giao thông	DGT	390,80	0,67
-	Đất thủy lợi	DTL	32,54	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,41	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,09	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	49,80	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	4,39	0,01
-	Đất công trình năng lượng	DNL	393,84	0,67
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,27	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	73,50	0,13
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,48	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-
-	Đất làm nghĩa trang	NTD	3,28	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-
-	Đất chợ	DCH	5,73	0,01
10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	17,66	0,03
11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,94	0,01
12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
13	Đất ở tại nông thôn	ONT	557,69	0,95
14	Đất ở tại đô thị	ODT	41,20	0,07
15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,93	0,02
16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,21	0,00
17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,47	0,00
19	Đất sông, suối	SON	251,90	0,43
20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-
21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2023 huyện Xín Mần)

Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2023 diện tích đất phi nông nghiệp của huyện Xín Mần là 1.910,32 ha chiếm 3,26% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích, cơ cấu các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích đất quốc phòng là 28,86 ha, chiếm 1,51% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh: Diện tích đất an ninh là 0,85 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích đất thương mại, dịch vụ là 7,95 ha, chiếm 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 2,28 ha, chiếm 0,12% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện là 12,66 ha, chiếm 0,66% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 4,59 ha, chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích đất phát triển hạ tầng là 0,00 ha, chiếm 0,00% diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó:

+ Đất giao thông: Diện tích đất giao thông là 390,80 ha, chiếm 20,46% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất giao thông phân bố tại 18/18 xã, thị trấn. Nhằm đáp ứng về nhu cầu sử dụng đất giao thông trên địa bàn huyện nên trong kỳ

điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bổ trí thêm đất để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường đảm bảo đáp ứng đầy đủ tiêu chí về hạ tầng giao thông.

+ Đất thủy lợi: Diện tích đất thủy lợi là 32,54 ha, chiếm 1,70% diện tích đất phi nông nghiệp. Hiện trạng đất thủy lợi trên địa bàn huyện Xín Mần còn ít vì vậy trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bổ sung quy hoạch thêm hệ thống đập + kênh mương, xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư, quy hoạch trạm bơm nước, các công trình cấp nước sinh hoạt tại các thôn, các xã.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 0,41 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa nhiều nhất tại xã Nám Dẩn là 0,19 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 6,09 ha, chiếm 0,32% diện tích đất phi nông nghiệp. Hiện trạng đất cơ sở y tế được phân bổ nhiều nhất tại thị trấn Cốc Pài với diện tích 1,45 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 49,80 ha, chiếm 2,61% diện tích đất phi nông nghiệp. Do nhu cầu gia tăng dân số tự nhiên và đào tạo nghề cho người lao động vì vậy trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bổ trí thêm diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 4,39 ha, chiếm 0,23% diện tích đất phi nông nghiệp phân bổ nhiều nhất tại xã Bản Ngò 1,12 ha; xã Nàn Chì 1,11 ha.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích đất công trình năng lượng là 393,84 ha, chiếm 20,62% diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,27 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp. Đất công trình bưu chính, viễn thông được phân bổ tại 15/18 xã, thị trấn, phân bổ nhiều nhất tại thị trấn Cốc Pài 0,67 ha.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 73,50 ha, chiếm 3,85% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa được phân bổ nhiều nhất tại xã Nám Dẩn 58,17 ha; xã Nàn Ma 8,22 ha.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 3,48 ha, chiếm 0,18% diện tích đất phi nông nghiệp. Hiện tại bãi đổ thải trên địa bàn huyện còn ít vì vậy trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bố trí diện tích quy hoạch các bãi xử lý rác thải.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích đất làm nghĩa trang là 3,28 ha, chiếm 0,17% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất nghĩa trang lớn nhất tại thị trấn Cốc Pài 1,63 ha và ít nhất tại xã Khuôn Lùng 0,07 ha. Diện tích đất nghĩa trang trên địa bàn huyện hiện tại còn ít vì vậy trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bố trí đất để xây dựng nghĩa trang.

+ Đất chợ: Diện tích đất chợ là 5,73 ha, chiếm 0,30% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất chợ phân bố tại 18/18 xã, thị trấn bao gồm diện tích đất chợ thương mại, chợ dân sinh tại các xã, thị trấn. Hiện tại diện tích đất chợ trên địa bàn huyện còn ít chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển vì vậy phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bố trí đất để xây dựng chợ tại các xã trên địa bàn huyện.

- Đất danh lam thắng cảnh: Diện tích đất danh lam thắng cảnh là 17,66 ha, chiếm 0,92% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 6,94 ha, chiếm 0,36% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng phân bố tại 18/18 xã, thị trấn.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích đất ở tại nông thôn là 557,69 ha, chiếm 29,19% diện tích đất phi nông nghiệp. Là đất ở nông thôn tại 17 xã của huyện hiện nay. Để đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số tự nhiên, giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân vì vậy trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần mở rộng đất ở tại nông thôn tại 17 xã trên địa bàn huyện.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích đất ở tại đô thị là 41,20 ha, chiếm 2,16% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 9,93 ha, chiếm 0,52% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phân bố tại 18/18 xã, thị trấn diện tích đất lớn nhất tại thị trấn Cốc Pài 3,25 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 2,21 ha, chiếm 0,12% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện



tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tập trung nhiều nhất tại thị trấn Cốc Pài 0,96 ha; xã Thèn Phàng 0,67 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích đất xây dựng cơ sở tín ngưỡng là 0,47 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 251,90 ha, chiếm 13,19% diện tích đất phi nông nghiệp.

### ***c. Đất chưa sử dụng***

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Xín Mần là 2.046,04 ha, chiếm 3,49% tổng diện tích đất tự nhiên.

### ***d. Đất đô thị***

Hiện tại trên địa bàn huyện Xín Mần có 01 thị trấn là thị trấn Cốc Pài. Hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2023 diện tích đất đô thị là 1.646,06 ha chiếm 2,81% tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện. Trong đó cơ cấu các loại đất gồm:

- Diện tích đất nông nghiệp là 1.411,87 ha, chiếm 85,77% tổng diện tích đất đô thị. Trong đó:

+ Đất trồng lúa	: 45,41 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	: 1.019,87 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	: 13,70 ha;
+ Đất rừng phòng hộ	: 43,07 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 289,37 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,45 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 182,90 ha, chiếm 11,11% tổng diện tích đất đô thị. Trong đó:

+ Đất quốc phòng	: 3,68 ha;
+ Đất an ninh	: 0,56 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,80 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,11 ha;
+ Đất phát triển hạ tầng	: 107,22 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,38 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 41,20 ha;

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 3,25 ha;
  - + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,96 ha;
  - + Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,31 ha;
  - + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 23,30 ha.
- Đất chưa sử dụng có 51,28 ha chiếm 3,12% tổng diện tích đô thị.

***e. Đất khu vực nông thôn***

Trên địa bàn huyện Xín Mần có 17 xã, hiện trạng năm 2023 diện tích khu vực nông thôn là 57.006,27 ha, chiếm 97,19% tổng diện tích đất tự nhiên huyện. Trong đó cơ cấu các loại đất gồm:

- Đất nông nghiệp có 53.284,10 ha, chiếm 93,47% tổng diện tích khu vực nông thôn. Trong đó:

- + Đất trồng lúa : 3.020,62 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác : 17.565,30 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm : 1.716,21 ha;
- + Đất rừng phòng hộ : 16.925,28 ha;
- + Đất rừng sản xuất : 14.031,94 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản : 15,14 ha;
- + Đất nông nghiệp khác : 9,62 ha.

- Đất phi nông nghiệp có 1.727,42 ha, chiếm 3,03% tổng diện tích khu vực nông thôn. Trong đó:

- + Đất quốc phòng : 25,18 ha;
- + Đất an ninh : 0,29 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ : 7,14 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 2,16 ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản : 11,54 ha;
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 4,59 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng : 857,91 ha;
- + Đất danh lam thắng cảnh : 17,66 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng : 6,55 ha;

- + Đất ở tại nông thôn : 557,69 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 6,68 ha;
- + Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,16 ha;
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 228,60 ha.

- Đất chưa sử dụng có 1.994,76 ha chiếm 3,50% tổng diện tích nông thôn.

## 2.2. Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2023 tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Xín Mần 58.652,33 ha.

**Bảng 03: Biến động sử dụng đất đai giai đoạn 2021-2023 huyện Xín Mần**

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2023	Biến động
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>58.652,33</b>	<b>58.652,33</b>	<b>-</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	54.491,66	54.695,97	204,31
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.892,60	1.910,32	17,72
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.268,07	2.046,04	-222,03

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2021, 2023 huyện Xín Mần)

### 2.2.1. Biến động sử dụng đất nông nghiệp

Quỹ đất nông nghiệp của huyện có sự biến động: Giai đoạn 2021-2023 diện tích đất nông nghiệp tại huyện Xín Mần tăng 204,31 ha.

**Bảng 04: Biến động đất nông nghiệp giai đoạn 2021-2023 huyện Xín Mần**

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2023	Biến động 2021-2023
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>54.491,66</b>	<b>54.695,97</b>	<b>204,31</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.066,69	3.066,03	-0,66
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>852,37</i>	<i>852,00</i>	<i>-0,37</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	19.298,74	18.585,17	-713,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.741,58	1.729,91	-11,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.056,36	16.968,36	-88,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.297,09	14.321,31	1.024,22

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2023	Biến động 2021-2023
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	10.386,73	11.531,58	1.144,85
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15,59	15,58	-0,01
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,62	9,62	-

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2021, 2023 huyện Xín Mần)

**\* Đất trồng lúa**

Giai đoạn 2021-2023 diện tích đất trồng lúa giảm 0,66 ha là do thực hiện thu hồi các dự án, công trình: Dự án thí điểm giãn dân sinh ra sống tại khu vực Cửa khẩu (Xín Mần - Đô Long) thôn Tả Mù Cán, Xã Xín Mần; Đường dây 110Kv Sông Chùng - Sông Chảy và TBA 110 kv Sông Chảy; Tuyến đường dây 110kV đầu nối Cụm nhà máy thủy điện Nậm Là và Quảng Nguyên vào lưới điện quốc gia (Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì).

**\* Đất trồng cây hàng năm khác**

Giai đoạn 2021-2022 diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 713,57 ha là do thực hiện các công trình: Diêm mở quặng mica tại xã Nà Chì; QH trạm y tế xã Thèn Phàng; QH trạm y tế xã Trung Thịnh; Tuyến đường dây 110kV đầu nối Cụm nhà máy thủy điện Nậm Là và Quảng Nguyên vào lưới điện quốc gia (Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì); Dự án thí điểm giãn dân sinh ra sống tại khu vực Cửa khẩu (Xín Mần - Đô Long) thôn Tả Mù Cán, Xã Xín Mần; Đường dây 110kV Sông Chùng - Sông Chảy và TBA 110kV Sông Chảy.

**\* Đất trồng cây lâu năm**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 11,67 ha do thực hiện các công trình, dự án: Diêm mở quặng mica tại xã Nà Chì; QH trạm y tế xã Nàn Xín; Tuyến đường dây 110kV đầu nối Cụm nhà máy thủy điện Nậm Là và Quảng Nguyên vào lưới điện quốc gia (Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì); Đường dây 110kV Sông Chùng - Sông Chảy và TBA 110kV Sông Chảy.

**\* Đất rừng phòng hộ**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất rừng phòng hộ giảm 88,00 ha do thực hiện công trình: Đường dây 110kV Sông Chùng - Sông Chảy và TBA 110kV Sông Chảy và một phần nguyên nhân biến động là do sau khi có kết quả rà soát, kiểm kê lại diện tích đất rừng phòng hộ theo quy hoạch 3 loại rừng.

**\* Đất rừng sản xuất**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất rừng sản xuất tăng 1.024,22 ha do trồng và khoanh nuôi tái sinh, phục hồi rừng theo quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã chuyển đất chưa sử dụng sang. Do thực hiện công trình: Thủy điện Suối Đỏ xã Bản Dú.

**\* Đất nuôi trồng thủy sản**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,01 ha do một phần số liệu thống kê đất đai huyện Xín Mần.

**\* Đất nông nghiệp khác**

Giai đoạn 2021-2023: Ổn định diện tích là 9,62 ha.

**2.2.2. Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất phi nông nghiệp tăng 17,72 ha, tăng chủ yếu ở quỹ đất giao thông, đất xây dựng cơ sở y tế, đất công trình năng lượng, đất ở... Quỹ đất phi nông nghiệp biến động tăng là xu thế tất yếu khi bổ sung quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở thương mại, dịch vụ.

**Bảng 05: Biến động đất phi nông nghiệp giai đoạn 2021-2023  
huyện Xín Mần**

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2023	Biến động 2021-2023
	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.892,60</b>	<b>1.910,32</b>	<b>17,72</b>
1	Đất quốc phòng	CQP	28,86	28,86	-
2	Đất an ninh	CAN	0,85	0,85	-
3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	7,95	7,95	-
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,28	2,28	-
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,66	12,66	-
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4,59	4,59	-
9	Đất phát triển hạ tầng quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	944,76	965,14	20,37
-	Đất giao thông	DGT	378,29	390,80	12,51
-	Đất thủy lợi	DTL	32,55	32,54	-0,02

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2023	Biến động 2021-2023
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,41	0,41	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,47	6,09	0,62
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	49,98	49,80	-0,18
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	4,39	4,39	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	386,41	393,84	7,43
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,27	1,27	-
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	73,50	73,50	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,48	3,48	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-
-	Đất làm nghĩa trang	NTD	3,28	3,28	-
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	5,73	5,73	-
10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	17,66	17,66	-
11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,94	6,94	-
12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-
13	Đất ở tại nông thôn	ONT	557,63	557,69	0,06
14	Đất ở tại đô thị	ODT	41,03	41,20	0,17
15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,93	9,93	-
16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,21	2,21	-
17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,47	0,47	-
19	Đất sông, kênh, rạch, suối	SON	254,78	251,90	-2,88
20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-
21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2021, năm 2023 huyện Xín Mần)

Các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp có sự biến động lớn gồm:

\* *Đất quốc phòng*: Ổn định diện tích 28,86 ha.

\* *Đất an ninh*: Ổn định diện tích 0,85 ha.

\* *Đất thương mại, dịch vụ*: Ổn định diện tích 7,95 ha.

\* *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:* Ổn định diện tích 2,28 ha.

\* *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:* Ổn định diện tích 12,66 ha.

\* *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:* Ổn định diện tích 4,59 ha.

\* *Đất phát triển hạ tầng*

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất phát triển hạ tầng tăng 20,37 ha do nhu cầu sử dụng quỹ đất cho phát triển hệ thống các cơ sở hạ tầng như: Đường giao thông, đất xây dựng cơ sở y tế, đất công trình năng lượng ở các xã, thị trấn đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

\* *Đất danh lam thắng cảnh:* Ổn định diện tích 17,66 ha.

\* *Đất sinh hoạt cộng đồng:* Ổn định diện tích 6,94 ha.

\* *Đất ở tại nông thôn*

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất ở tại nông thôn tăng 0,06 ha, diện tích đất ở nông thôn tăng đảm bảo nhu cầu giãn dân, tách hộ và bố trí tái định cư. Diện tích đất ở tại nông thôn tăng để thực hiện các công trình quy hoạch đất ở: Dự án thí điểm giãn dân sinh ra sống tại khu vực Cửa khẩu (Xín Mần - Đô Long) thôn Tả Mù Cán, Xã Xín Mần.

\* *Đất ở tại đô thị*

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất ở tại đô thị tăng 0,17 ha.

\* *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:* Ổn định diện tích 9,93 ha.

\* *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:* Ổn định diện tích 2,21 ha.

\* *Đất cơ sở tín ngưỡng:* Ổn định diện tích 0,47 ha.

\* *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:* Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2,88 ha do thực hiện dự án: Thủy điện Suối Đỏ xã Bản Dúu.

### **2.2.3. Biến động sử dụng đất chưa sử dụng**

Giai đoạn 2021-2023: Diện tích đất chưa sử dụng thực giảm 222,03 ha. Diện tích đất chưa sử dụng giảm để thực hiện các công trình đất ở, đất hạ tầng.

## **III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Xín Mần được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trên cơ sở phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến hết ngày 31/12/2023 của huyện Xín Mần được thể hiện chi tiết như sau:

**Bảng 06: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích QHSDD đến năm 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>58.652,35</b>	<b>58.652,33</b>	<b>-0,02</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>53.596,21</b>	<b>54.695,97</b>	<b>1.099,76</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.768,91	3.066,03	297,12
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>842,73</i>	<i>852,00</i>	<i>9,27</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14.239,61	18.585,17	4.345,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.507,80	1.729,91	222,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.524,55	16.968,36	-556,19
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.475,17	14.321,31	-3.153,86
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>10.394,68</i>	<i>11.531,58</i>	<i>1.136,90</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,41	15,58	-0,83
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	63,77	9,62	-54,15
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.047,50</b>	<b>1.910,32</b>	<b>-1.137,18</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	412,05	28,86	-383,19
2.2	Đất an ninh	CAN	4,13	0,85	-3,28
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,34	7,95	-11,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	44,52	2,28	-42,24
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,94	12,66	-14,28
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	13,78	4,59	-9,19
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.471,39	965,14	-506,26
-	Đất giao thông	DGT	614,02	390,80	-223,22
-	Đất thủy lợi	DTL	56,61	32,54	-24,08
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,35	0,41	-8,94
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,53	6,09	-0,44
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,50	49,80	-11,70
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	17,41	4,39	-13,02
-	Đất công trình năng lượng	DNL	550,56	393,84	-156,72



TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích QHSDD đến năm 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,75	1,27	-1,48
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	74,05	73,50	-0,55
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16,56	3,48	-13,08
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	50,89	3,28	-47,61
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	11,17	5,73	-5,44
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	25,16	17,66	-7,50
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,63	6,94	0,31
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	28,12	-	-28,12
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	673,50	557,69	-115,81
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	58,72	41,20	-17,52
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,15	9,93	-3,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,77	2,21	0,44
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,53	0,47	-0,06
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	224,21	251,90	27,69
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	23,12	-	-23,12
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.008,64</b>	<b>2.046,04</b>	<b>37,40</b>

### a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt là 53.596,21 ha, diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến 31/12/2023 là 54.695,97 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 1.099,76 ha. Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

#### \* Đất trồng lúa:

Đất trồng lúa theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 2.768,91 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 3.066,03 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 297,12 ha. Trong đó chỉ tiêu đất trồng lúa nước được phê duyệt

là 842,73 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 852,00 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 9,27 ha so với diện tích quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân còn lại là do chưa thu hồi, chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện công trình: QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Khuôn Lùng; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Khuôn Lùng; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Nà Chì; Đường giao thông Sơn Thành Quảng Nguyên đi thôn Cao Sơn - Quảng Nguyên (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Cùm Phing, Cốc Chứ, Cốc Độ trên địa bàn xã Chế Là (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Làng văn hóa dân tộc Nùng xã Cốc Rế...

**\* Đất trồng cây hàng năm khác:**

Đất trồng cây hàng năm theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 14.239,61 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 18.585,17 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 4.345,56 ha. Nguyên nhân còn lại là do chưa thu hồi, chuyển mục đích đất cây hàng năm khác để thực hiện dự án: QH đất quốc phòng TT Cốc Pài; QH đất quốc phòng xã Nàn Xín; QH đất quốc phòng xã Xín Mần; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; Điểm khai thác đá vôi xóm mới 2 xã Chí Cà; Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Thảm Giá, Nậm Ké, Tân Sơn, Na Ri, Đoàn Kết, Na Van, Na Hu, Nậm Pé, Vai Lũng, Na Cá, Na Cùm, Cốc Cam, Khu dân cư Động Mục, Khu dân cư Thảng Lũng, Khu dân cư Phạc Na, Lũng Cháng) trên địa bàn xã Tả Nhìu (Quy hoạch mặt đường rộng 5m)...

**\* Đất trồng cây lâu năm:**

Đất trồng cây lâu năm theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 1.507,80 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1.729,91 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 222,11 ha. Nguyên nhân còn lại do chưa thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án: Trụ sở làm việc CA xã Chế Là; QH đất thương mại - dịch vụ tại TT Cốc Pài; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Tả Nhìu; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại TT Cốc Pài; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Nà Chì; Điểm khai thác đá vôi tại thị trấn Cốc Pài...

**\* Đất rừng phòng hộ:**

Đất rừng phòng hộ theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 17.524,55 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 16.968,36 ha, thấp hơn 556,19

ha, đạt 96,83% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do thống kê diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện.

**\* Đất rừng sản xuất:**

Đất rừng sản xuất theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 17.475,17 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 14.321,31 ha, thấp hơn 3.153,86 ha, đạt 81,95% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do thống kê diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện.

**\* Đất nuôi trồng thủy sản:**

Đất nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 16,41 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 15,58 ha, thấp hơn 0,83 ha, đạt 94,97% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do thống kê diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

**\* Đất nông nghiệp khác:**

Đất nông nghiệp khác theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 63,77 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 9,62 ha, thấp hơn 54,15 ha, đạt 15,08% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thu hồi, chuyển mục đích đất nông nghiệp khác để thực hiện được công trình: Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thèn Phàng; Dự án trồng rừng phát triển kinh tế; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Xín Mần; Dự án nông nghiệp khác tại xã xã Nà Chì; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thu Tà; Dự án trồng cây dược liệu gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

**b. Đất phi nông nghiệp**

Đất phi nông nghiệp theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt là 3.047,50 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1.910,32 ha, thấp hơn 1.137,18 ha, đạt 62,68%. Trong đó:

**- Đất quốc phòng:**

Đất quốc phòng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 412,05 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 28,86 ha, thấp hơn 383,19 ha, đạt 7,00% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện xong các công trình: QH đất quốc phòng TT Cốc Pài; QH đất quốc phòng xã Bản Ngò; QH đất quốc phòng xã Nàn Xín; QH đất quốc phòng xã Thèn Phàng; QH đất quốc phòng xã Xín Mần; Trạm kiểm soát biên phòng xã Pà Vầy Sủ; Trạm kiểm soát biên phòng xã Chí Cà (2 điểm).

**- Đất an ninh:**

Đất an ninh theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 4,13 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 0,85 ha, thấp hơn 3,28 ha, đạt 20,58% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình, dự án: Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA xã Bản Dú; Trụ sở làm việc CA xã Bản Ngò; Trụ sở làm việc CA xã Chế Là; Trụ sở làm việc CA xã Chí Cà; Trụ sở làm việc CA xã Cốc Rế; Trụ sở làm việc CA xã Khuôn Lùng; Trụ sở làm việc CA xã Nà Chì; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Ma; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Xín; Trụ sở làm việc CA xã Nấm Dẩn...

**- Đất thương mại dịch vụ:**

Đất thương mại, dịch vụ theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 19,34 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 7,95 ha, thấp hơn 11,39 ha, đạt 41,10% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình: QH đất thương mại - dịch vụ tại TT Cốc Pài; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Nà Chì; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Nấm Dẩn; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Pà Vầy Sủ; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Thèn Phàng; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Khuôn Lùng...

**- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 44,52 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 2,28 ha, thấp hơn 42,24 ha, đạt 5,12% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình, dự án: Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại TT Cốc Pài; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Xã Bản Ngò; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Chí Cà; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Quảng Nguyên; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Khuôn Lùng; Trung tâm giống thức ăn gia súc xã Xín Mần (Dự án Chăn nuôi trâu, bò giống, vỗ béo trâu, bò)...

**- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:**

Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 26,94 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 12,66 ha, thấp hơn 14,28

ha, đạt 46,99% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện dự án: Điểm mỏ quặng Vonfram - đa kim loại tại xã Bản Ngò.

**- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 13,78 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 4,59 ha, thấp hơn 9,19 ha, đạt 33,32% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình, dự án: Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Súng Sảng TT Cốc Pài và xóm Mới xã Chí Cà (30,8 ha); Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Vũ Khí TT Cốc Pài và thôn Cốc Sọc xã Thèn Phàng (2,37ha); Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh (7,3 ha); Điểm khai thác đá vôi xóm mới 2 xã Chí Cà; Điểm khai thác đá vôi xóm Mới 1 thôn Xóm Mới xã Chí Cà; Điểm khai thác cát, sỏi thôn Xuân Hòa xã Khuôn Lùng; Điểm khai thác đá vôi thôn Cốc Sọc xã Thèn Phàng; Điểm khai thác đá vôi tại thị trấn Cốc Pài; Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông chảy km22 thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh.

**- Đất phát triển hạ tầng:**

Đất phát triển hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 1.471,39 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 965,14 ha, thấp hơn 506,26 ha, đạt 65,59% so với quy hoạch được duyệt, trong đó:

+ *Đất giao thông*: Đất giao thông theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 614,02 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 390,80 ha, thấp hơn 223,22 ha, đạt 63,65% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện dự án: Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tỉnh 177; Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tỉnh 178; QH đường từ trung tâm xã Pà Vầy Sủ cũ đi trung tâm xã mới và đi mốc 172; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã, thị trấn (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường vào khu tái định cư dài 5km tại TT Cốc Pài (Quy hoạch mặt đường rộng 17m); Đường GTNT từ xã Bản Dú đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Cùm Phing, Cốc Chứ, Cốc Độ trên địa bàn xã Chế Là (Quy hoạch mặt đường rộng 5m)...

+ *Đất thủy lợi*: Đất thủy lợi theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 56,61 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 32,54 ha, thấp hơn 24,08 ha, đạt 57,47% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện dự án: Công trình thủy lợi thôn Cốc Cộ, xã Chế Là; QH hồ treo tại xã thị trấn Cốc

Pài; QH hồ treo tại xã Pà Vây Sủ; QH hồ treo thôn La Chí Chải và thôn Nàn Ma; QH hồ treo cấp nước sinh hoạt và thủy nông xã Chí Cà...

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Đất xây dựng cơ sở văn hóa theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 9,35 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 0,41 ha, thấp hơn 8,94 ha, đạt 4,41% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: Nhà bia ghi tên các anh hùng liệt sỹ xã Xín Mần; Làng văn hóa dân tộc Nùng xã Cốc Ré; QH trung tâm VH-TT xã Nà Chì; QH trung tâm VH- TT xã Trung Thịnh; QH nhà văn hóa thôn Chí Cà Thượng; thôn Suối Thầu; thôn Nàn Hái; thôn Khờ Chá Ván; thôn Hồ Sáo Chải; thôn Bản Phó; thôn Hồ Mù Chải; thôn Chí Cà Hạ; thôn Xóm Mới xã Chí Cà...

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Đất xây dựng cơ sở y tế theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 6,53 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 6,09 ha, thấp hơn 0,44 ha, đạt 93,28% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: Khu y tế tại TT Cốc Pài; QH trạm y tế xã Khuôn Lùng; QHMR trạm y tế xã Nàn Ma; QH trạm y tế xã Pà Vây Sủ; QH trạm y tế xã Thu Tà; QH Trung tâm y tế (khu vực cửa khẩu).

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 61,50 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 49,80 ha, thấp hơn 11,70 ha, đạt 80,98% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: QHMR các điểm trường MN Hoa Mai (Trường chính, Suối Thầu, Chúng Trái, Súng Sảng, Na Pan); QH Trường MN khu trung tâm TT Cốc Pài; QH trường MN xã Bản Díu; QH trường MN Pà Vây Sủ, Trường Tiểu học, Trường THCS; QH trường Chính Trị tại TT Cốc Pài; QH trường GDNN - GDTX tại TT Cốc Pài; QHMR Trường PTDTBT THCS Pà Vây Sủ...

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 17,41 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 4,39 ha, thấp hơn 13,02 ha, đạt 25,19% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: QHMR sân vận động trung tâm huyện; QH sân thể thao xã Bản Ngò; QH sân thể thao xã Chì Cà; QH sân thể thao xã Nàn Xín; QH sân thể thao xã Thèn Phàng; QH sân thể thao xã Tả Nhùi...

+ *Đất công trình năng lượng*: Đất công trình năng lượng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 550,56 ha, kết quả thực hiện đến

31/12/2023 là 393,84 ha, thấp hơn 156,72 ha, đạt 71,54% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: Thủy điện Sông Con 1 xã Khuôn Lùng; QHMR thủy điện Nà Chì; Thủy điện Nậm Dẩn; Thủy điện Nậm Ly 2 xã Khuôn Lùng; Thủy điện Nậm Ly 3 xã Khuôn Lùng; Thủy điện Nậm Là xã Quảng Nguyên; Thủy điện Cốc Rế 2 (Trung Thịnh và Thu Tà), Đường dây 35kV thủy điện Cốc Rế 2 (xã Thu Tà, Trung Thịnh); Đường dây 35KV và trạm biến áp 18 xã, thị trấn...

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Đất công trình bưu chính, viễn thông theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 2,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1,27 ha, thấp hơn 1,48 ha, đạt 46,25% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: QH Trạm BTS thị trấn Cốc Pài; QH Trạm BTS xã Chí Cà; QH Trạm BTS xã Bản Dú; QH Trạm BTS xã Thu Tà; QH Trạm BTS xã Xín Mần; Công trình CNTT thôn Quang Vinh, xã Quảng Nguyên; Trạm thu phát sóng FM tại Chiêu Lầu thị xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì và xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì xã Thu Tà; Trạm phát sóng Vinaphone (QH cửa khẩu Xín Mần) Xín Mần...

+ *Đất di tích lịch sử - văn hóa*: Đất di tích lịch sử - văn hóa theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 74,05 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 73,50 ha, thấp hơn 0,55 ha, đạt 99,26% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: QHMR Đình Mường tại xã Khuôn Lùng.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Đất bãi thải, xử lý chất thải theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 16,56 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 3,48 ha, thấp hơn 13,08 ha, đạt 21,01% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được các công trình, dự án: QH bãi đổ chất thải huyện Xín Mần; QH bãi đổ chất thải xã Bản Dú; QH bãi đổ chất thải xã Bản Ngò; QH bãi đổ chất thải xã Chí Cà; Điểm xử lý rác thải sinh hoạt trung tâm TT Cốc Pài tại xã Nàn Ma; QH bãi đổ chất thải xã Tả Nhìu; QH bãi đổ chất thải xã Trung Thịnh; QH bãi đổ chất thải xã Xín Mần...

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 50,89 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 3,28 ha, thấp hơn 47,61 ha, đạt 6,45% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp do chưa thực hiện được công trình, dự án: Nghĩa trang nhân dân của huyện tại xã Bản ngò; QH Nghĩa địa thôn Xóm Mới;

thôn Hậu Cầu; thôn Chí Cà Hạ; thôn Nàn Hái; QH nghĩa địa xã Khuôn Lùng; QH nghĩa địa thôn Khẩu Xín; thôn Thèn Ván; thôn Thảo Chư Ván; thôn Seo Lử Thận; thôn Sì Khà Lá; thôn Khau Sín; QH nghĩa địa xã Trung Thịnh; QH nghĩa địa thôn Quán Dín Ngài ; thôn Lao Pờ; thôn Hậu Cầu; thôn Tả Mù Cán xã Xín Mần...

+ **Đất chợ:** Đất chợ theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 11,17 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 5,73 ha, thấp hơn 5,44 ha, đạt 51,32% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình, dự án: QH chợ gia súc thôn Súng Sảng tại TT Cốc Pài; Qh chợ trung tâm TT Cốc Pài; QH chợ xã Khuôn Lùng; QH chợ xã Quảng Nguyên; QH chợ xã Xín Mần...

**- Đất danh lam thắng cảnh:**

Đất danh lam thắng cảnh theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 25,16 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 17,66 ha, thấp hơn 7,50 ha, đạt 70,19% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được các công trình, dự án: Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); Danh lam thắng cảnh Thác Trăn (theo QĐ 1979/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) (37,25 ha); Danh lam thắng cảnh Thác Khuổi Luồng (theo QĐ 1978/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) 39,07 ha; QH sản xuất nông nghiệp gắn liền với du lịch sinh thái tại đỉnh núi Chiều Lầu Thi; Du lịch lòng hồ trải nghiệm thủy điện Pake...

**- Đất sinh hoạt cộng đồng:**

Đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 6,63 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 6,94 ha, còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 0,31 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là: Trụ sở làm việc CA xã Quảng Nguyên.

**- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:**

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 28,12 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 thấp hơn so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện công trình: QH Công viên thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần (2 khu); Khu vui chơi, giải trí phục vụ Du lịch đầu cầu Cốc Pài TT Cốc Pài; Dự kiến bố trí khu vui chơi, giải trí công cộng tại TT Cốc Pài; QH Khu vui chơi giải trí khu trung tâm xã Chí Cà; QH Khu



vui chơi giải trí khu trung tâm xã Khuôn Lùng; QH Công viên cây xanh xã Nà Chì; QH Công viên cây xanh khu vực mốc 172 xã Pà Vầy Sủ; QH cây xanh trung tâm xã Pà Vầy Sủ; QH Đất cây xanh ( theo QH cửa khẩu Xín Mần).

**- Đất ở nông thôn:**

Đất ở tại nông thôn theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 673,50 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 557,69 ha, thấp hơn 115,81 ha, đạt 82,80% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được các công trình, dự án: Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Bản Dú; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Ché Là; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện quy hoạch phát triển khu dân cư; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Nàn Ma; Dự án bố trí dân cư tập trung tại thôn Chúng Chải, xã Nàn Xin (Bố trí ổn định dân cư tập trung cho 50 hộ; Hệ thống đường giao thông, điện, nước vùng dự án) xã Nàn Xin...

**- Đất ở đô thị:**

Đất ở tại đô thị theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 58,72 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 41,20 ha, thấp hơn 17,52 ha, đạt 70,16% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện được công trình, dự án: Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Cốc Pài; Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở trên địa bàn TT Cốc Pài; Dự án xây dựng khu tái định cư Thị Trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần; Quy hoạch đất ở đô thị tại TT Cốc Pài; QH các điểm dân cư theo trục đường vào khu tái định cư TT Cốc Pài.

**- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Đất xây dựng trụ sở cơ quan theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 13,15 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 9,93 ha, thấp hơn 3,22 ha, đạt 75,51% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp do chưa thực hiện được công trình, dự án: QH đất trụ sở cơ quan tại thị trấn Cốc Pài; QH Trụ sở UBND xã Bản Dú; QH đất trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Nà Chì (Hạt giao thông); QH Trụ sở UBND xã Nàn Xin; QH UBND xã Pà Vầy Sủ; QHMR trụ sở UBND xã Tả Nhìu; QH Trụ sở UBND xã Thèn Phàng...

**- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:**

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức, sự nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 1,77 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 2,21 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện đến năm 2030 là 0,44 ha so với diện tích quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là: Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất.

**- Đất cơ sở tín ngưỡng:**

Đất cơ sở tín ngưỡng theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 0,53 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 0,47 ha, thấp hơn 0,06 ha, đạt 89,43% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do một phần số liệu thống kê đất đai đất cơ sở tín ngưỡng.

**- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 224,21 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 251,90 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là 27,69 ha. Nguyên nhân còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là: QHMR thủy điện Nà Chì; Thủy điện Cốc Rế 1 xã Thu Tà; Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); Danh lam thắng cảnh Thác Khuổi Luông (theo QĐ 1978/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp xếp hạng di tích Quốc Gia) 39,07 ha...

**- Đất phi nông nghiệp khác:**

Đất phi nông nghiệp khác theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2030 là 23,12 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 thấp hơn so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do chưa thực hiện công trình: Khu chăn nuôi tập trung xã Bản Ngòi; Khu nuôi trâu bò tập trung tại xã Nàn Ma.

**c. Đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt là 2.008,64 ha kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 2.046,04 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là 37,40 ha. Nguyên nhân còn lại chưa thực hiện được đến năm 2030 là Khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất trên địa bàn huyện; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thu Tà; CMĐ sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở Xã Xín Mần dọc 2 bên đường từ ngã ba xã Chí Cà vào cửa khẩu và dọc 2 bên tuyến đường nhánh từ chợ TT xã đi đội xe đoàn kinh tế quốc phòng 313...

**Phần II:**

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

**1.1. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng**

**1.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã**

Quy hoạch sử dụng đất của huyện Xín Mần đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, trên cơ sở đó ngày 08/03/2023 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 568/UBND-KTTH về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Hà Giang. Chi tiết thể hiện qua bảng:

**Bảng 07: Chỉ tiêu phân bổ đất đến năm 2030 tại huyện Xín Mần theo Công văn 568/UBND-KTTH ngày 08/03/2023**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân bổ cấp tỉnh (ha)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>58.652,34</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>55.827,75</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.009,89
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>831,94</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.704,73
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	18.481,89
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	18.519,83
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>10.394,68</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.669,71</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	97,31
2.2	Đất an ninh	CAN	5,64
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,34
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	44,52
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,94

*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích phân bổ cấp tỉnh (ha)</b>
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.501,46
	Đất giao thông	DGT	564,02
	Đất thủy lợi	DTL	47,61
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,34
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,55
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,47
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	17,42
	Đất công trình năng lượng	DNL	649,19
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,74
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	73,51
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	41,53
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,55
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	16,36
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-
	Đất chợ	DCH	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	25,16
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	673,50
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	58,72
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,76
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>154,87</b>

**1.1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực**

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xín Mần đến năm 2030 và quy hoạch bổ sung của các sở, ban, ngành, nhu cầu sử dụng

đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 của huyện Xín Mần được xác định như sau:

- Đất nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 55.597,77 ha, tăng 901,80 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023, chiếm 94,79% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.834,02 ha, tăng 923,70 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023, chiếm 4,83% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

- Đất chưa sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 220,54 ha, giảm 1.825,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023, chiếm 0,38% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

### ***1.1.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất***

**Bảng 08: Chỉ tiêu sử dụng đất trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (%)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (%)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>58.652,33</b>	<b>100,00</b>	<b>58.652,34</b>	<b>-0,01</b>	<b>58.652,33</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>54.695,97</b>	<b>93,25</b>	<b>55.827,75</b>	<b>-229,98</b>	<b>55.597,77</b>	<b>94,79</b>
1.1	Đất trồng lúa	3.066,03	5,23	3.009,89	-175,40	2.834,49	4,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>852,00</i>	<i>1,45</i>	<i>831,94</i>	<i>4,73</i>	<i>836,67</i>	<i>1,43</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	18.585,17	31,69	-	17.106,94	17.106,94	29,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.729,91	2,95	1.704,73	712,05	2.416,78	4,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	16.968,36	28,93	18.481,89	-1.550,78	16.931,11	28,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	14.321,31	24,42	18.519,83	-2.909,46	15.610,37	26,62
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>11.531,58</i>	<i>19,66</i>	<i>10.394,68</i>	<i>1.136,90</i>	<i>11.531,58</i>	<i>19,66</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	15,58	0,03	-	14,19	14,19	0,02
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	9,62	0,02	-	683,90	683,90	1,17
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>1.910,32</b>	<b>3,26</b>	<b>2.669,71</b>	<b>164,31</b>	<b>2.834,02</b>	<b>4,83</b>
2.1	Đất quốc phòng	28,86	0,05	97,31	6,67	103,98	0,18

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (%)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (%)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.2	Đất an ninh	0,85	0,001	5,64	-	5,64	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	7,95	0,01	19,34	7,15	26,49	0,05
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2,28	0,004	44,52	1,00	45,52	0,08
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	12,66	0,02	26,94	-2,70	24,24	0,04
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	4,59	0,01	-	26,05	26,05	0,04
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	965,14	1,65	1.501,46	-14,36	1.487,11	2,54
-	Đất giao thông	390,80	0,67	564,02	86,47	650,49	1,11
-	Đất thủy lợi	32,54	0,06	47,61	-13,63	33,99	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,41	0,001	9,34	-0,70	8,64	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	6,09	0,01	6,55	-0,26	6,29	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	49,80	0,08	61,47	0,50	61,97	0,11
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	4,39	0,01	17,42	-	17,42	0,03
-	Đất công trình năng lượng	393,84	0,67	649,19	-95,59	553,60	0,94
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	1,27	0,002	2,74	-	2,74	0,005
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	73,50	0,13	73,51	0,54	74,05	0,13
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	3,48	0,01	41,53	-24,97	16,56	0,03
-	Đất cơ sở tôn giáo	-	-	0,55	-0,55	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	3,28	0,01	16,36	33,93	50,29	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	5,73	0,01	-	11,06	11,06	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	17,66	0,03	25,16	68,82	93,98	0,16
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,94	0,01	-	6,70	6,70	0,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tính phân bổ (%)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (%)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	-	-	28,12	28,12	0,05
2.13	Đất ở tại nông thôn	557,69	0,95	673,50	-	673,50	1,15
2.14	Đất ở tại đô thị	41,20	0,07	58,72	-	58,72	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	9,93	0,02	13,15	-0,12	13,03	0,02
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,21	0,004	1,76	-0,21	1,55	0,003
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	0,47	0,001	-	0,47	0,47	0,001
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	251,90	0,43	-	215,81	215,81	0,37
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	23,12	23,12	0,04
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>2.046,04</b>	<b>3,49</b>	<b>154,87</b>	<b>65,67</b>	<b>220,54</b>	<b>0,38</b>

### 1.1.3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 55.597,77 ha, chiếm 94,79% tổng diện tích đất tự nhiên;

Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng là 52.240,46 ha;

Diện tích đất nông nghiệp tăng 901,80 ha so với hiện trạng năm 2023.

Cụ thể:

#### a. Đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.834,49 ha, giảm 231,54 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó;

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng là 2.834,49 ha;

Diện tích đất trồng lúa giảm 231,54 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 80,00 ha;
- Đất nông nghiệp khác : 104,28 ha;
- Đất an ninh : 0,04 ha;
- Đất thương mại dịch vụ : 1,19 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 1,82 ha;
- Đất giao thông : 12,63 ha;

- Đất thủy lợi	: 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 0,60 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,20 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,27 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 0,05 ha;
- Đất công trình năng lượng	: 17,42 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông	: 0,05 ha;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	: 0,15 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải	: 0,05 ha;
- Đất ở tại nông thôn	: 11,19 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 0,40 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác	: 1,15 ha.

Diện tích đất trồng lúa giảm do thu hồi đất trồng lúa để thực hiện công trình dự án: Trụ sở làm việc CA xã Trung Thịnh; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Bản Bó, xã xã Nà Chì; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Quảng Nguyên; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Đường giao thông Xin Khâu - Chế Là đi Sơn Thành Quảng Nguyên (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã từ Km76 (ĐT.177 BQXM) đi xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì; Làng văn hóa dân tộc Nùng xã Cốc Rế...

#### ***b. Đất trồng cây hàng năm khác***

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 17.106,94 ha, giảm 1.478,23 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 17.106,94 ha

Diện tích giảm 1.478,23 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây lâu năm	: 680,00 ha;
- Đất nông nghiệp khác	: 388,86 ha;
- Đất quốc phòng	: 15,41 ha;
- Đất an ninh	: 1,64 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ	: 12,20 ha;



- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 16,25 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	: 3,98 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	: 10,65 ha;
- Đất giao thông	: 150,52 ha;
- Đất thủy lợi	: 3,89 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 5,38 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,92 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 10,20 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 7,25 ha;
- Đất công trình năng lượng	: 18,05 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông	: 0,69 ha;
- Đất có di tích lịch sử văn hóa	: 0,40 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải	: 3,80 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 9,13 ha;
- Đất chợ	: 4,15 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh	: 25,00 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	: 14,63 ha;
- Đất ở tại nông thôn	: 63,70 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 12,55 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 3,14 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác	: 15,84 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm do thu hồi để thực hiện các công trình, dự án: QH đất quốc phòng xã Bản Ngò; QH đất quốc phòng xã Nàn Xín; Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA xã Chí Cà; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Ma; QH đất thương mại - dịch vụ tại TT Cốc Pài; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Thèn Phàng; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Nám Chanh xã Nám Dẩn; Diểm khai thác đá vôi xóm mới 2 xã Chí Cà; Diểm khai thác đá vôi tại thị trấn Cốc Pài; Mở rộng, NC đường GTNT từ ngã ba Khâu Táo - Thèn Phàng đi TT xã Bản Dú (Quy hoạch

mặt đường rộng 5m); Đường GTNT từ UBND xã Bản Dú đi thôn Mào Phó (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã từ Km76 (ĐT.177 BQXM) đi xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì; QH hồ treo xã Tả Nhìu; QH nhà văn hóa thôn Chí Cà Thượng; thôn Suối Thầu; thôn Nàn Hái; thôn Khờ Chá Ván; thôn Hồ Sáo Chải; thôn Bản Phó; thôn Hồ Mù Chải; thôn Chí Cà Hạ; thôn Xóm Mới xã Chí Cà...

***c. Đất trồng cây lâu năm***

Diện tích đất trồng cây lâu năm trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.416,78 ha, thực tăng 686,87 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 1.516,78 ha;

Diện tích giảm 213,13 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác : 175,60 ha;
- Đất an ninh : 0,43 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 1,35 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 1,94 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 0,45 ha;
- Đất giao thông : 11,62 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,63 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,63 ha;
- Đất công trình năng lượng : 6,53 ha;
- Đất chợ : 0,60 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 0,20 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 12,09 ha;
- Đất ở tại đô thị : 1,00 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,06 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do thu hồi để thực hiện công trình, dự án: Đường GTNT từ xã Bản Dú đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Si Khà Lá, Thào Chứ Ván, Bản Phó) trên địa bàn xã Pà Vây Sủ (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); QH trung tâm VH-

TT xã Nà Chì; QH nhà văn hóa thôn Chí Cà Thượng; thôn Suối Thầu; thôn Nàn Hái; thôn Khờ Chá Ván; thôn Hồ Sáo Chải; thôn Bản Phố; thôn Hồ Mù Chải; thôn Chí Cà Hạ; thôn Xóm Mới xã Chí Cà; QH trường Chính Trị tại TT Cốc Pài; Thủy điện Nấm Dẩn; Đường dây 35KV và trạm biến áp 18 xã, thị trấn...

Diện tích đất tăng 900,00 ha để thực hiện các công trình sau: Quy hoạch trồng chè (300 ha); Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm sang cây lâu năm nhằm phát triển bền vững trên vùng đất dốc (600 ha). Do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 80,00 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 680,00 ha;
- Đất rừng sản xuất : 140,00 ha.

#### ***d. Đất rừng phòng hộ***

Diện tích đất rừng phòng hộ trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 16.931,11 ha, giảm 37,25 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 16.931,11 ha

Diện tích giảm 37,25 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất quốc phòng : 4,50 ha;
- Đất thương mại dịch vụ : 0,36 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 0,15 ha;
- Đất giao thông : 19,92 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,07 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,22 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao : 0,50 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,24 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải : 1,40 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 4,39 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 5,50 ha.

Đất rừng phòng hộ giảm do thu hồi để thực hiện công trình: Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp và đất ở, Vị trí các trục đường từ UBND xã - xã Chế Là và UBND xã - xã Cốc Ré (Vai Lũng, Lũng Mỏ, Lũng Cháng xã Tả Nhìu; QH khu dân cư biên giới khu Ma Di Vàng 50 hộ; QH Đất cây xanh (theo

QH cửa khẩu Xín Mần); Du lịch nông nghiệp tại thôn Nàng Cút (50 ha); Điểm dừng chân đỉnh Đèo Gió gắn với du lịch sinh thái; Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); QH bãi đổ chất thải xã Thèn Phàng; QH bãi đổ chất thải xã Tả Nhìu...

***e. Đất rừng sản xuất***

Diện tích đất rừng sản xuất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 15.610,37 ha, thực tăng 1.289,06 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 13.827,34 ha.

Diện tích giảm 493,97 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây lâu năm : 140,00 ha;
- Đất quốc phòng : 54,40 ha;
- Đất an ninh : 0,81 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 2,71 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 23,08 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản : 7,60 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 1,45 ha;
- Đất giao thông : 57,16 ha;
- Đất thủy lợi : 0,11 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 1,37 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 1,40 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao : 5,18 ha;
- Đất công trình năng lượng : 70,41 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,42 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải : 3,03 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng : 38,48 ha;
- Đất chợ : 0,94 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh : 45,52 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 8,60 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 21,02 ha;
- Đất ở tại đô thị : 3,15 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 1,00 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác : 6,13 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất giảm do thu hồi để thực hiện các công trình dự án: QH đất quốc phòng xã Bản Ngò; QH đất quốc phòng xã Nàn Xín; Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Nà Chì; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Bản Bó, xã xã Nà Chì; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Nà Chì; Điểm mỏ quặng Vonfram - đa kim loại tại xã Bản Ngò; Điểm khai thác đá vôi tại thị trấn Cốc Pài; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Đường GTNT từ thôn Quán Dín Ngài - XM đi TT xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m)...

Diện tích tăng 1.783,03 ha do đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện công trình: Khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất trên địa bàn huyện.

#### ***f. Đất nuôi trồng thủy sản***

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 14,19 ha, giảm 1,39 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 14,19 ha;

Diện tích giảm 1,39 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất giao thông : 0,39 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,05 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,95 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm do thu hồi để thực hiện các công trình dự án: Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện quy hoạch phát triển khu dân cư; Công trình CNTT thôn Quang Vinh, xã Quảng Nguyên; Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Nậm Choong, Quang Vinh, Nậm Cương, Khâu Rom, Quang Minh, Vinh Quang, Tân Sơn, Sơn Thành) trên

địa bàn xã Quảng Nguyên (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường GTNT từ xã Bản Dú đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường quốc lộ 4 (Đoạn tránh trung tâm TT Cốc Pài); Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4.

***g. Đất nông nghiệp khác***

Diện tích đất nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 683,90 ha, tăng 674,28 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 9,62 ha;

Diện tích tăng 674,28 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 104,28 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 388,86 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 175,60 ha;
- Đất giao thông : 1,08 ha;
- Đất thủy lợi : 1,28 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 0,08 ha;
- Đất chưa sử dụng : 3,10 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác tăng do thực hiện các công trình sau: Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thèn Phàng; Dự án trồng rừng phát triển kinh tế; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Xín Mần; Dự án nông nghiệp khác tại xã xã Nà Chì; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thu Tà; Dự án trồng cây dược liệu gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

***1.1.3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp***

Diện tích đất phi nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.834,02 ha, thực tăng 923,70 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

***a. Đất quốc phòng***

Diện tích đất quốc phòng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 103,98 ha, tăng 75,12 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó;

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 28,86 ha;

Diện tích tăng 75,12 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 15,41 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 4,50 ha;

- Đất rừng sản xuất : 54,40 ha;
- Đất giao thông : 0,13 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,08 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,60 ha.

Diện tích đất quốc phòng tăng do quy hoạch các công trình, dự án: QH đất quốc phòng TT Cốc Pài; QH đất quốc phòng xã Bản Ngò; QH đất quốc phòng xã Nàn Xin; QH đất quốc phòng xã Thèng Phàng; QH đất quốc phòng xã Xín Mần; Trạm kiểm soát biên phòng xã Pà Vầy Sủ; Trạm kiểm soát biên phòng xã Chí Cà (2 điểm).

### ***b. Đất an ninh***

Diện tích đất nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 5,64 ha, tăng 4,79 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 0,85 ha.

Diện tích tăng 4,79 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,04 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 1,64 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,43 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,81 ha;
- Đất giao thông : 0,25 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,30 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,35 ha;
- Đất chợ : 0,21 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,56 ha.

Diện tích đất an ninh tăng do quy hoạch các công trình, dự án: Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA xã Bản Díu; Trụ sở làm việc CA xã Bản Ngò; Trụ sở làm việc CA xã Chế Là; Trụ sở làm việc CA xã Chí Cà; Trụ sở làm việc CA xã Cốc Rế; Trụ sở làm việc CA xã Khuôn Lùng; Trụ sở làm việc CA xã Nà Chì; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Ma; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Xin; Trụ sở làm việc CA xã Nậm

Dân; Trụ sở làm việc CA xã Pà Vây Sủ; Trụ sở làm việc CA xã Quảng Nguyên; Trụ sở làm việc CA xã Tả Nhìu; Trụ sở làm việc CA xã Thèn Phàng; Trụ sở làm việc CA xã Thu Tà; Trụ sở làm việc CA xã Trung Thịnh.

***c. Đất thương mại, dịch vụ***

Diện tích đất thương mại, dịch vụ trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 26,49 ha, tăng 18,54 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó;

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 7,95 ha;

Diện tích tăng 18,54 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 1,19 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 12,20 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 1,35 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 0,36 ha;
- Đất rừng sản xuất : 2,71 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,20 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối ; 0,18 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,35 ha.

Diện tích đất thương mại dịch vụ tăng do quy hoạch công trình, dự án: QH đất thương mại - dịch vụ tại TT Cốc Pài; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Nà Chì; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Nậm Dân; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Pà Vây Sủ; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Tả Nhìu; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Thèn Phàng; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Trung Thịnh; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Xín Mần; QH đất thương mại - dịch vụ tại xã Khuôn Lùng; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Nậm Chanh xã Nậm Dân; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Bản Bó, xã xã Nà Chì; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Nậm Là, xã Quảng Nguyên.

***d. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 45,52 ha, tăng 43,24 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 2,28 ha;

Diện tích tăng 43,24 ha do các loại đất sau chuyển sang:



- Đất trồng lúa	: 1,82 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 16,25 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	: 1,94 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 0,15 ha;
- Đất rừng sản xuất	: 23,08 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng do thực hiện các công trình, dự án: Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại TT Cốc Pài; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Xã Bản Ngò; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Chí Cà; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Cốc Rế; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Khuôn Lùng; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Nhà Chì; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Nám Dẩn; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Quảng Nguyên; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Trung Thịnh; Trung tâm giống thức ăn gia súc xã Xín Mần (Dự án Chăn nuôi trâu, bò giống, vỗ béo trâu, bò); Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Xín Mần; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Thèn Phàng; Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Ché Là.

***e. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản***

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 24,24 ha, tăng 11,58 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 12,66 ha;

Diện tích tăng 11,58 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác	: 3,98 ha;
- Đất rừng sản xuất	: 7,60 ha.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng do quy hoạch dự án: Diềm mỏ quặng Vonfram - đa kim loại tại xã Bản Ngò.

***f. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm***

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 26,05 ha, tăng 21,46 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 4,59 ha;

Diện tích tăng 21,46 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 10,65 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,45 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,45 ha;
- Đất chưa sử dụng : 5,25 ha.

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng để thực hiện các công trình, dự án: Diêm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Súng Sảng TT Cốc Pài và xóm Mới xã Chí Cà (30,8 ha); Diêm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Vũ Khí TT Cốc Pài và thôn Cốc Sọc xã Thèn Phàng (2,37ha); Diêm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh (7,3 ha); Diêm khai thác đá vôi xóm mới 2 xã Chí Cà; Diêm khai thác đá vôi xóm Mới 1 thôn Xóm Mới xã Chí Cà; Diêm khai thác cát, sỏi thôn Xuân Hòa xã Khuôn Lùng; Diêm khai thác đá vôi thôn Cốc Sọc xã Thèn Phàng; Diêm khai thác đá vôi tại thị trấn Cốc Pài; Diêm khai thác cát, sỏi lòng sông chảy km22 thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh.

#### ***g. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp huyện, cấp xã***

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp huyện, cấp xã trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.487,11 ha, thực tăng 521,97 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

##### ***\* Đất giao thông***

Diện tích đất giao thông trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 650,49 ha, thực tăng 259,69 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 386,49 ha;

Diện tích tăng 264,00 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 12,63 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 150,52 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 11,62 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 19,92 ha;

- Đất rừng sản xuất	: 57,16 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,39 ha;
- Đất thủy lợi	: 1,17 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,02 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,10 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 0,60 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,04 ha;
- Đất ở tại nông thôn	: 1,17 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 0,39 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,05 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 0,94 ha;
- Đất chưa sử dụng	: 7,28 ha.

Diện tích đất giao thông tăng là do quy hoạch các công trình, dự án: QH đường từ trung tâm xã Pà Vầy Sủ cũ đi trung tâm xã mới và đi mốc 172; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã, thị trấn (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường vào khu tái định cư dài 5km tại TT Cốc Pài (Quy hoạch mặt đường rộng 17m); Đường GTNT từ xã Bản Díu đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Na Pan, Súng Sảng, Chúng Chải, Vũ Khí, Cốc Cọc, Suối Thầu trên địa bàn thị trấn Cốc Pài (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã từ Km76 (ĐT.177 BQXM) đi xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì; Dự án mở mới tuyến đường từ mốc 188 xã Chí Cà sang mốc 198 cửa khẩu Xín Mần (19,06 ha)...

Diện tích giảm 4,31 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau:

- Đất nông nghiệp khác	: 1,08 ha;
- Đất quốc phòng	: 0,13 ha;
- Đất an ninh	: 0,25 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,12 ha;
- Đất công trình năng lượng	: 0,53 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh	: 1,80 ha;
- Đất ở nông thôn	: 0,10 ha;
- Đất ở đô thị	: 0,30 ha.

Diện tích đất giao thông giảm là do thu hồi để thực hiện công trình, dự án: QH đất quốc phòng xã Xín Mần; Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA xã Bản Dú; Thủy điện Nậm Ly 2 xã Khuôn Lùng; Thủy điện Cốc Rế 1 xã Thu Tà; Thủy điện Cốc Rế 2 (Trung Thịnh và Thu Tà), Đường dây 35kV thủy điện Cốc Rế 2 (xã Thu Tà, Trung Thịnh); Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); Danh lam thắng cảnh Thác Trăn (theo QĐ 1979/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) (37,25 ha); Danh lam thắng cảnh Thác Khuổi Luồng (theo QĐ 1978/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) 39,07 ha; Dự án bố trí dân cư tập trung tại thôn Chúng Chải, xã Nàn Xín (Bố trí ổn định dân cư tập trung cho 50 hộ; Hệ thống đường giao thông, điện, nước vùng dự án) xã Nàn Xín; Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư tập trung tại Thị trấn Cốc Pài; Dự án xây dựng khu tái định cư Thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Xín Mần; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thu Tà.

*\* Đất thủy lợi*

Diện tích đất thủy lợi trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 33,99 ha, thực tăng 1,45 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 29,94 ha;

Diện tích tăng 4,05 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,05 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 3,89 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,11 ha.

Diện tích đất thủy lợi tăng do quy hoạch các công trình, dự án: Công trình thủy lợi thôn Cốc Cộ, xã Chế Là; Công trình thủy lợi Nậm He thôn Làng Thượng xã Khuôn Lùng; Công trình thủy lợi thôn Chúng Chải tại xã Nàn Xín; Công trình thủy lợi Thôn Nậm Choong xã Quảng Nguyên; Công trình thủy lợi Cốc Rây - Ngòi Thầu xã Thu Tà; Mương Chu Và Phùng Đản Rạc I xã Trung Thịnh; QH hồ treo tại xã thị trấn Cốc Pài; QH hồ treo xã Tả Nhìu; QH hồ treo xã Nàn Xín; QH hồ treo tại thôn Hậu Cầu xã Xín Mần; QH hồ treo cấp nước sinh hoạt và thủy nông xã Chí Cà; QH hồ treo thôn La Chí Chải và thôn Nàn Ma; QH hồ treo tại xã Pà Vây Sủ.

Diện tích giảm 2,60 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác : 1,28 ha;
- Đất giao thông : 1,17 ha;
- Đất thủy lợi : 0,15 ha.

Diện tích đất thủy lợi giảm do thực hiện các công trình sau: QH đường từ trung tâm xã Pà Vầy Sủ cũ đi trung tâm xã mới và đi mốc 172; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Đường quốc lộ 4 (Đoạn tránh trung tâm TT Cốc Pài); Đường GTNT từ thôn Quán Dín Ngài - XM đi TT xã Nàn Xin (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường GTNT từ xã Bản Díu đi xã Nàn Xin (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Cùm Phing, Cốc Chứ, Cốc Độ trên địa bàn xã Ché Là (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã từ Km76 (ĐT.177 BQXM) đi xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì; Dự án trồng rừng phát triển kinh tế; Dự án nông nghiệp khác tại xã xã Nà Chì...

*\* Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 8,64 ha, thực tăng 8,23 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 0,19 ha;

Diện tích tăng 8,45 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,60 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 5,38 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,63 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,37 ha;
- Đất giao thông : 0,12 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,05 ha;
- Đất chợ : 0,30 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng do quy hoạch công trình, dự án: Nhà bia ghi tên các anh hùng liệt sỹ xã Xín Mần; Làng văn hóa dân tộc Nùng xã Cốc Rế; QH trung tâm VH- TT xã Trung Thịnh; QH nhà văn hóa thôn Nậm Phang, Trung Thành, Làng Thượng, Phiêng Lang; QH nhà văn hóa thôn Cốc Đông, thôn Pồ Hà I, Pồ Hà II, thôn Năm Ta, thôn Ta Hạ, thôn Cốc Mui, thôn Phố Chợ, thôn

Hồ Sán, thôn Đạn Rạc, thôn Cốc Pú, thôn Na Mợ; QH nhà văn hóa thôn Lùng Vai, thôn La Chí Chải, Lùng Sán, thôn Cốc Pú, thôn Nà Lũng, thôn Nà Lý, thôn Nàn Ma...

Diện tích giảm 0,22 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,06 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,16 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế giảm để thực hiện công trình: QH Trường tiểu học Nàng Cút xã Thu Tà; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất.

*\* Đất xây dựng cơ sở y tế*

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 6,29 ha, tăng 0,20 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 5,10 ha;

Diện tích tăng 1,19 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,20 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,92 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 0,07 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng do quy hoạch các công trình, dự án: Khu y tế tại TT Cốc Pài; QH trạm y tế xã Khuôn Lùng; QHMR trạm y tế xã Nàn Ma; QH trạm y tế xã Pà Vây Sủ; QH trạm y tế xã Thu Tà; QH Trung tâm y tế (khu vực cửa khẩu).

Diện tích giảm 0,99 ha chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh : 0,30 ha;
- Đất giao thông : 0,02 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,32 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,05 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,30 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế giảm để thực hiện các công trình sau: Trụ sở làm việc CA xã Thèn Phàng; Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Hố Sán, Cốc Đông, Phố Hà II, Tông Táo, Đông Chứ, Cốc Mui, Cốc Pú, Nắm Ta, Bản Rang, Nắm Tin, Ta Thượng, Cốc Cháu, Ma Lý Sán, Ta Hạ trên địa bàn xã Trung Thịnh (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); QHMR Trường MN Khuôn Lùng; QHMR trường THCS xã Nắm Dẩn; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; QHMR trụ sở UBND xã Tả Nhìu; QHMR Trụ sở UBND xã Trung Thịnh.

*\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 61,97 ha, thực tăng 12,17 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 47,40 ha;

Diện tích tăng 14,57 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,27 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 10,20 ha.
- Đất trồng cây lâu năm : 0,63 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 0,22 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,40 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,06 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,32 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 1,07 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,40 ha.

Diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng do quy hoạch các công trình, dự án: QHMR các điểm trường MN Hoa Mai (Trường chính, Suối Thầu, Chúng Trái, Súng Sảng, Na Pan); QH Trường MN khu trung tâm TT Cốc Pài; QH trường MN xã Bản Dú; QHMR các điểm trường Mầm Non Bản Dú (điểm trường Ngam Lin, Quán Thèn, Chúng Trái, Mào Phố, Dú Hạ); QHMR các điểm trường MN Bản Ngò ( Táo Hạ, Thắng Lợi, Đoàn Kết, Nặm Phàng, Xín Chải, Trù Chải); QH Trường MN Xín Mần; QH trường mầm non xã Thèn Phàng; QH trường MN Pà Vây Sủ, Trường Tiểu học, Trường THCS; QH trường Chính Trị tại TT Cốc Pài; QH trường GDNN - GDTX tại TT Cốc Pài...

Diện tích giảm 2,40 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau:

- Đất công an : 0,35 ha;
- Đất giao thông : 0,10 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao : 0,05 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,02 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 0,30 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,93 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,60 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm để thực hiện các công trình: Xây mới, cải tạo nhà tạm giữ, hệ thống kho vật chứng Công an huyện Xín Mần (cơ sở 2) thuộc Công an tỉnh Hà Giang tại TT Cốc Pài; Đường GTNT từ xã Bản Díu đi xã Nàn Xin (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); QH nhà văn hóa thôn Thống Nhất, thôn Lũng Cháng, thôn Nậm Chà, thôn Nậm Lu, thôn Na Chăn, thôn Tân Sơn, thôn Đoàn Kết; Nhà thi đấu đa năng trung tâm xã Nậm Dẩn; QH Bưu điện văn hóa xã Nậm Dẩn; QH Khu vui chơi giải trí khu trung tâm xã Chí Cà; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Xín Mần; QH Trụ sở UBND xã Bản Díu.

*\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 17,42 ha, tăng 13,03 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 4,39 ha;

Diện tích tăng 13,03 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,05 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 7,25 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 0,50 ha;
- Đất rừng sản xuất : 5,18 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,05 ha.



Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tăng do quy hoạch các công trình, dự án: QHMR sân vận động trung tâm huyện; QH sân thể thao xã Bản Ngò; QH sân thể thao xã Chì Cà; QH sân thể thao xã Nàn Xín; QH sân thể thao xã Trung Thịnh; QH sân thể thao xã Thèn Phàng; QH sân thể thao xã Tả Nhìu; QH sân thể thao xã Pà Vày Sủ...

*\* Đất công trình năng lượng*

Diện tích đất công trình năng lượng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 553,60 ha, tăng 159,76 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 393,84 ha;

Diện tích tăng 159,76 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 17,42 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 18,05 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 6,53 ha;
- Đất rừng sản xuất : 70,41 ha;
- Đất giao thông : 0,53 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,14 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 28,58 ha;
- Đất chưa sử dụng : 18,10 ha.

Diện tích đất công trình năng lượng tăng để thực hiện công trình: Thủy điện Sông Con 1 xã Khuôn Lùng; QHMR thủy điện Nà Chì; Thủy điện Nám Dẩn; Thủy điện Nậm Ly 2 xã Khuôn Lùng; Thủy điện Nậm Ly 3 xã Khuôn Lùng; Thủy điện Nậm Là xã Quảng Nguyên; Thủy điện Cốc Rế 2 (Trung Thịnh và Thu Tà), Đường dây 35kV thủy điện Cốc Rế 2 (xã Thu Tà, Trung Thịnh); Đường dây 110Kv Tân Quang - Bắc Quang - Hoàng Su Phì - Xín Mần (TT Cốc Pài, Bản Díu, Thèn Phàng); Đường dây 35KV và trạm biến áp 18 xã, thị trấn.

*\* Đất công trình bưu chính viễn thông*

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2,74 ha, tăng 1,47 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1,27 ha;

Diện tích tăng 1,47 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa	: 0,05 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 0,69 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 0,24 ha;
- Đất rừng sản xuất	: 0,42 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,02 ha.

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông tăng do quy hoạch các công trình, dự án: QH Trạm BTS thị trấn Cốc Pài; QH Trạm BTS xã Bản Díu; QH Trạm BTS xã Thu Tà; QH Trạm BTS xã Khuôn Lùng; Công trình CNTT thôn Quang Vinh, xã Quảng Nguyên; Trạm thu phát sóng FM tại Chiêu Lâu thị xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì và xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì xã Thu Tà; Trạm phát sóng Vinaphone (QH cửa khẩu Xín Mần) Xín Mần...

*\* Đất có di tích lịch sử - văn hóa*

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 74,05 ha, tăng 0,55 ha so với hiện tích diện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 73,50 ha;

Diện tích tăng 0,55 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa	: 0,15 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 0,40 ha.

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng là do quy hoạch công trình: QHMR Đình Mường tại xã Khuôn Lùng.

*\* Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 16,56 ha, tăng 13,08 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 3,48 ha;

Diện tích tăng 13,08 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa	: 0,05 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 3,80 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 1,40 ha;

- Đất rừng sản xuất : 3,03 ha;
- Đất chưa sử dụng : 4,80 ha.

Diện tích đất bãi thải, xử lý rác thải tăng do quy hoạch các công trình, dự án: QH bãi đổ chất thải huyện Xín Mần; QH bãi đổ chất thải xã Bản Dú; QH bãi đổ chất thải xã Bản Ngò; QH bãi đổ chất thải xã Chí Cà; Điểm xử lý rác thải sinh hoạt trung tâm TT Cốc Pài tại xã Nàn Ma; QH bãi đổ chất thải xã Thèn Phàng; QH bãi đổ chất thải xã Trung Thịnh...

*\* Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 50,29 ha, thực tăng 47,01 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 2,68 ha;

Diện tích tăng 47,61 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 9,13 ha;
- Đất rừng sản xuất : 38,48 ha.

Diện tích đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng là do quy hoạch công trình, dự án: Nghĩa trang nhân dân của huyện tại xã Bản ngò; QH Nghĩa địa thôn Xóm Mới, thôn Hậu Cấu, thôn Chí Cà Hạ, thôn Nàn Hải; QH nghĩa địa xã Khuôn Lùng; QH nghĩa địa thôn Khẩu Xín, thôn Thèn Ván, thôn Thào Chư Ván, thôn Seo Lữ Thận, thôn Sì Khà Lá, thôn Khau Sín; QH nghĩa địa xã Quảng Nguyên; QH nghĩa địa xã Trung Thịnh; QH nghĩa địa thôn Quán Dín Ngài, thôn Lao Pờ, thôn Hậu Cấu, thôn Tả Mù Cán xã Xín Mần; QH nghĩa địa xã Thèn Phàng; QH nghĩa địa xã Thu Tà...

Diện tích giảm 0,60 ha chuyển sang đất giao thông để thực hiện dự án: Đường GTNT từ xã Bản Dú đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Hố Sán, Cốc Đông, Pồ Hà II, Tông Táo, Đông Chứ, Cốc Mui, Cốc Pú, Nấm Ta, Bản Rang, Nấm Tin, Ta Thượng, Cốc Cháu, Ma Lý Sán, Ta Hạ trên địa bàn xã Trung Thịnh (Quy hoạch mặt đường rộng 5m).

*\* Đất chợ*

Diện tích đất chợ trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 11,06 ha, thực tăng 5,33 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 5,02 ha;

Diện tích tăng 6,04 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 4,15 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,60 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,94 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,35 ha.

Diện tích đất chợ tăng do quy hoạch công trình, dự án: QH chợ gia súc thôn Súng Sảng tại TT Cốc Pài; Qh chợ trung tâm TT Cốc Pài; QHMR chợ xã Ché Là; QH chợ xã Chí Cà; QHMR chợ xã Cốc Rế; QH chợ xã Khuôn Lùng; QH chợ xã Nàn Ma; QHMR chợ xã Nấm Dẩn; QHMR chợ xã Pà Vầy Sủ ( Khu vực mốc 172); QH chợ xã Tả Nhìu; QH chợ xã Thu Tà; QHMR chợ xã Trung Thịnh; QH Chợ gia súc xã Trung Thịnh; QH chợ xã Thèn Phàng; QH chợ xã Quảng Nguyên; QH chợ xã Xín Mần.

Diện tích giảm 0,71 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau:

- Đất an ninh : 0,21 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,30 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,20 ha.

Diện tích giảm do thu hồi đất chợ để thực hiện các công trình: QH trung tâm VH- TT xã Khuôn Lùng; QH trung tâm VH- TT xã Tả Nhìu; QH trung tâm VH- TT xã Quảng Nguyên; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Trụ sở làm việc CA xã Khuôn Lùng; Trụ sở làm việc CA xã Thu Tà.

#### ***h. Đất danh lam thắng cảnh***

Diện tích đất danh lam thắng cảnh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 93,98 ha, tăng 76,32 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 17,66 ha;

Diện tích tăng 76,32 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 25,00 ha;
- Đất rừng sản xuất : 45,52 ha;
- Đất giao thông : 1,80 ha;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 1,00 ha;
- Đất chưa sử dụng : 3,00 ha.

Diện tích đất danh lam thắng cảnh tăng để thực hiện các công trình, dự án: Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); Danh lam thắng cảnh Thác Trăn (theo QĐ 1979/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) (37,25 ha); Danh lam thắng cảnh Thác Khuổi Luồng (theo QĐ 1978/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) 39,07 ha; QH sản xuất nông nghiệp gắn liền với du lịch sinh thái tại đỉnh núi Chiều Lâu Thi; Du lịch nông nghiệp tại thôn Nàng Cút (50 ha); Du lịch lòng hồ trải nghiệm thủy điện Pake; Điểm dừng chân du lịch ngắm cảnh và giới thiệu sản phẩm địa phương tại Thôn Nàn Ma xã Nàn Ma; Chăn nuôi trâu bò gắn với phát triển du lịch sinh thái Thôn Cốc Pú xã Nàn Ma; Khu du lịch hang Thiên Thủy gắn liền với sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái xã Nàn Ma; Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng Nậm Choong xã Quảng Nguyên; Điểm dừng chân đỉnh Đèo Gió gắn với du lịch sinh thái.

#### ***i. Đất sinh hoạt cộng đồng***

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 6,70 ha, giảm 0,24 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 6,70 ha;

Diện tích giảm 0,24 ha chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh : 0,20 ha;
- Đất giao thông : 0,04 ha.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng giảm để thực hiện các công trình: Trụ sở làm việc CA xã Quảng Nguyên.

#### ***k. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng***

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 28,12 ha, tăng 28,12 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích tăng 28,12 ha chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác	: 14,63 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	: 0,20 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 4,39 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 8,60 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,30 ha.

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng do quy hoạch công trình, dự án: QH Công viên thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần (2 khu); Khu vui chơi, giải trí phục vụ Du lịch đầu cầu Cốc Pài TT Cốc Pài; Dự kiến bố trí khu vui chơi, giải trí công cộng tại TT Cốc Pài; QH Khu vui chơi giải trí khu trung tâm xã Chí Cà; QH Khu vui chơi giải trí khu trung tâm xã Khuôn Lùng; QH Công viên cây xanh xã Nà Chì; QH Công viên cây xanh khu vực mốc 172 xã Pà Vầy Sủ; QH cây xanh trung tâm xã Pà Vầy Sủ; QH Đất cây xanh ( theo QH cửa khẩu Xín Mần).

### ***1. Đất ở tại nông thôn***

Diện tích đất ở tại nông thôn trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 673,50 ha, thực tăng 115,81 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 556,30 ha;

Diện tích tăng 117,20 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa	: 11,19 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 63,70 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	: 12,09 ha;
- Đất rừng phòng hộ	: 5,50 ha;
- Đất rừng sản xuất	: 21,02 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,95 ha;
- Đất giao thông	: 0,10 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 0,16 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,93 ha;
- Đất chợ	: 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,12 ha;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,66 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,53 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn tăng do quy hoạch các công trình, dự án: Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Bản Dú; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Chế Là; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Cốc Ré; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Nà Chì; Chuyển mục đích SDD từ đất Nông nghiệp sang đất ở tại xã Nàn Xín; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở Xã Pà Vây Sủ; Dự án bố trí dân cư tập trung tại thôn Sủng Lắm và thôn Chang Khâu, xã Cốc Ré (Bố trí ổn định dân cư tập trung cho 35 hộ; Hệ thống đường giao thông, điện, nước vùng dự án)...

Diện tích giảm 1,39 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích:

- Đất quốc phòng : 0,08 ha;
- Đất giao thông : 1,17 ha;
- Đất công trình năng lượng : 0,14 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn giảm do thu hồi đất ở để thực hiện công trình, dự án: Trạm kiểm soát biên phòng xã Pà Vây Sủ; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Đường GTNT từ thôn Quán Dín Ngài - XM đi TT xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường GTNT từ xã Bản Dú đi xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn ( Cốc Cái, Đồng Chứ, Đông Thang, Năm Ngà, Cốc Đông, Tòng Táo, Sung Lắm, Lùng Vai) trên địa bàn xã Cốc Ré (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Khâu Lầu, Nà Đeng, Đại Thắng, Nậm Sái, Nguyên Thành, Nậm Ánh, Nậm Khương) trên địa bàn xã Nà Chì (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Đường giao thông từ xã Nà Chì đi xã Bản Liền (Bắc Hà - tỉnh Lào Cai) (Quy hoạch mặt đường rộng 7,5 m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Chúng Chải, Thắng Lợi, Suối Thầu, Đông Chè, Đông Lợi, Sả Thái) trên địa bàn xã Nàn Xín (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Nậm Lu, Đoàn Kết, Na Chăn, Ngam Lâm, Lũng Cháng, Nậm Chà, Nậm Chiên, Nậm Dẫn) trên

địa bàn xã Nậm Dẩn (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Nậm Choong, Quang Vinh, Nậm Cường, Khâu Rom, Quang Minh, Vinh Quang, Tân Sơn, Sơn Thành) trên địa bàn xã Quảng Nguyên (Quy hoạch mặt đường rộng 5m)...

***m. Đất ở tại đô thị***

Diện tích đất ở tại đô thị trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 58,72 ha, thực tăng 17,52 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 40,81 ha;

Diện tích tăng 17,91 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 0,40 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 12,55 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 1,00 ha;
- Đất rừng sản xuất : 3,15 ha;
- Đất giao thông : 0,30 ha;
- Đất thủy lợi : 0,15 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 0,06 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,30 ha.

Đất ở tại đô thị tăng do quy hoạch công trình, dự án: Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Cốc Pài; Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở trên địa bàn TT Cốc Pài; Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư tập trung tại Thị trấn Cốc Pài; Dự án xây dựng khu tái định cư Thị Trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần; Quy hoạch đất ở đô thị tại TT Cốc Pài; QH các điểm dân cư theo trục đường vào khu tái định cư TT Cốc Pài.

Diện tích giảm 0,39 ha chuyển sang đất giao thông để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã, thị trấn (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Đường quốc lộ 4 (Đoạn tránh trung tâm TT Cốc Pài); Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tỉnh 178.

***n. Đất xây dựng trụ sở cơ quan***

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 13,03 ha, thực tăng 3,10 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:



Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 7,93 ha;

Diện tích tăng 5,10 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 3,14 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,06 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,00 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,30 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,60 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do quy hoạch công trình, dự án: QH đất trụ sở cơ quan tại thị trấn Cốc Pài; QH Trụ sở UBND xã Bản Díu; QH đất trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Nà Chì (Hạt giao thông); QH Trụ sở UBND xã Nàn Xín; QH Trạm kiểm lâm xã Khuôn Lùng; QH UBND xã Pà Vây Sủ; QHMR trụ sở UBND xã Tả Nhìu; QHMR Trụ sở UBND xã Trung Thịnh; QH Trụ sở UBND xã Thèn Phàng; QH Trụ sở làm việc của Đội quản lý thị trường số 5 huyện Xín Mần xã Thèn Phàng; QH trạm kiểm dịch xã Nàn Ma.

Diện tích giảm 2,00 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích:

- Đất an ninh : 0,56 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 0,20 ha;
- Đất giao thông : 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 1,07 ha;
- Đất ở nông thôn : 0,12 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm do thu hồi để thực hiện công trình, dự án: Trụ sở làm việc CA TT Cốc Pài; Trụ sở làm việc CA xã Bản Díu; Trụ sở làm việc CA xã Chí Cà; Trụ sở làm việc CA xã Cốc Rế; Trụ sở làm việc CA xã Nà Chì; Trụ sở làm việc CA xã Nàn Ma; Trụ sở làm việc CA xã Năm Dẩn; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; QH trường mầm non xã Thèn Phàng; QH trường MN xã Trung Thịnh; Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất...

***o. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp***

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1,55 ha, giảm 36,09 ha. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1,55 ha;

Diện tích giảm 0,66 ha chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện công trình: Thu hồi, chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp sang đất ở để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất.

***p. Đất cơ sở tín ngưỡng***

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 0,47 ha, ổn định so với diện tích hiện trạng năm 2023.

***q. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 215,81 ha, giảm 36,09 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 215,81 ha;

Diện tích giảm 36,09 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất nông nghiệp khác : 0,08 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 0,18 ha;
- Đất sản xuất xây dựng vật liệu, làm đồ gốm : 5,25 ha;
- Đất giao thông : 0,94 ha;
- Đất công trình năng lượng : 28,58 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh : 1,00 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,06 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh rạch, suối giảm do thu hồi để thực hiện công trình dự án: Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Bản Bó, xã xã Nà Chì; Cá nước lạnh gắn liền với phát triển du lịch tại Thôn Nậm Là, xã Quảng Nguyên; Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Súng Sảng TT Cốc Pài và xóm Mới xã Chí Cà (30,8 ha); Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Vũ Khí TT Cốc Pài và thôn Cốc Sọc xã Thèn Phàng (2,37ha); Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh (7,3 ha); Điểm khai thác cát, sỏi lòng sông chảy km22 thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh; Nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 4; Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã từ Km76 (ĐT.177 BQXM) đi xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì; Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Nằm Lu, Đoàn Kết, Na

Chăn, Ngam Lâm, Lũng Cháng, Nậm Chà, Nậm Chiến, Nậm Dẩn) trên địa bàn xã Nậm Dẩn (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Hệ thống giao thông nông thôn các thôn (Nậm Choong, Quang Vinh, Nậm Cường, Khâu Rom, Quang Minh, Vinh Quang, Tân Sơn, Sơn Thành) trên địa bàn xã Quảng Nguyên (Quy hoạch mặt đường rộng 5m); Thủy điện Nậm Ly 2 xã Khuôn Lũng...

**w. Đất phi nông nghiệp khác**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 23,12 ha, tăng 23,12 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023.

Trong đó:

Diện tích tăng 23,12 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng lúa : 1,15 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 15,84 ha;
- Đất rừng sản xuất : 6,13 ha;

Diện tích đất phi nông nghiệp khác tăng để thực hiện công trình sau: Khu chăn nuôi tập trung xã Bản Ngò; Khu nuôi trâu bò tập trung tại xã Nàn Ma.

**1.1.3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 220,54 ha, giảm 1.825,50 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023.

Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 220,54 ha;

Diện tích giảm 1.825,50 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất rừng sản xuất : 1.783,03 ha;
- Đất nông nghiệp khác : 3,10 ha;
- Đất quốc phòng : 0,60 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 0,35 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 3,66 ha;
- Đất giao thông : 7,28 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,40 ha;
- Đất công trình năng lượng : 18,10 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải : 4,80 ha;

- Đất chợ : 0,35 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh : 3,00 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,53 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,30 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng giảm để thực hiện công trình: Khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất trên địa bàn huyện; Dự án trồng và chế biến dược liệu tại xã Thu Tà; Dự án nông nghiệp khác tại xã xã Nà Chì; Dự án xây dựng khu tái định cư Thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần; Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư tập trung tại Thị trấn Cốc Pài; CMĐ sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở Xã Xín Mần dọc 2 bên đường từ ngã ba xã Chí Cà vào cửa khẩu và dọc 2 bên tuyến đường nhánh từ chợ TT xã đi đội xe đoàn kinh tế quốc phòng 313; QHMR chợ xã Pà Vây Sủ ( Khu vực mốc 172); Khu du lịch sinh thái Suối Thầu, Súng Sảng tại TT Cốc Pài (97ha); Danh lam thắng cảnh Thác Trăn (theo QĐ 1979/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) (37,25 ha); Danh lam thắng cảnh Thác Khuổi Luồng (theo QĐ 1978/QĐ - BVHTTDL ngày 29/6/2021 về việc sắp Hạng di tích Quốc Gia) 39,07 ha; Điểm xử lý rác thải sinh hoạt trung tâm TT Cốc Pài tại xã Nàn Ma; QH bãi đổ chất thải huyện Xín Mần; Đường dây 35KV và trạm biến áp 18 xã, thị trấn; Thủy điện Nậm Ly 3 xã Khuôn Lùng...

#### ***1.1.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất***

##### ***1.1.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp***

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 886,77 ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 47,26 ha; Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 15,33 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 409,37 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 37,53 ha;
- Đất rừng phòng hộ chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 37,25 ha;
- Đất rừng sản xuất chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 353,97 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 1,39 ha.

**1.1.4.2. Chuyển đổi trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp**

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 220,00 ha.

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm là 80,00 ha;
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng là 140,00 ha.

**1.1.4.3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 2,73 ha.

**1.1.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng**

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sẽ khai thác 1.825,50 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sau:

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp là 1.786,13 ha. Trong đó:

- Đất rừng sản xuất : 1.783,03 ha;
- Đất nông nghiệp khác : 3,10 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp là 39,37 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng : 0,60 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 0,35 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 3,66 ha;
- Đất giao thông : 7,28 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,40 ha;
- Đất công trình năng lượng : 18,10 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải : 4,80 ha;
- Đất chợ : 0,35 ha;
- Đất danh lam thắng cảnh : 3,00 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,53 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,30 ha.

## 1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

### 1.2.1. Đất đô thị

Diện tích đất đô thị của huyện Xín Mần trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.646,06 ha, chiếm 2,81% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

- Đất nông nghiệp là 1.377,31 ha, chiếm 83,67% tổng diện tích đất đô thị của huyện. Bao gồm:

- Đất trồng lúa : 39,22 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 924,73 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 58,38 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 42,73 ha;
- Đất rừng sản xuất : 312,10 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,15 ha.

- Đất phi nông nghiệp là 263,68 ha, chiếm 16,02% tổng diện tích đất đô thị của huyện. Bao gồm:

- Đất quốc phòng : 5,00 ha;
- Đất an ninh : 2,37 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 3,45 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 7,01 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản : 1,12 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 11,39 ha;
- Đất giao thông : 73,05 ha;
- Đất thủy lợi : 3,10 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,27 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 1,49 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 8,96 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao : 1,29 ha;
- Đất công trình năng lượng : 51,90 ha;

- Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,79 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng : 1,63 ha;
- Đất chợ : 2,09 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,38 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 2,68 ha;
- Đất ở tại đô thị : 58,72 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 3,80 ha;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,96 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,31 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 21,90 ha.

- Đất chưa sử dụng là 5,07 ha, chiếm 0,31% tổng diện tích đất đô thị của huyện.

### ***1.2.3. Khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)***

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm) huyện Xín Mần có diện tích là 3.253,44 ha, chiếm 5,55% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: Thị trấn Cốc Pài là 58,38 ha; xã Bản Dú là 134,79 ha; xã Bản Ngò 216,51 ha; xã Chế Là 159,66 ha; xã Chí Cà 136,84 ha; xã Cốc Ré 149,27 ha; xã Khuôn Lùng 324,66 ha; xã Nà Chì 509,08 ha; xã Nàn Ma 112,99 ha; xã Nàn Xín 78,45 ha; xã Nám Dẩn 189,38 ha; xã Pà Vây Sủ 105,55 ha; xã Quảng Nguyên 235,64 ha; xã Tả Nhìu 222,45 ha; xã Thèn Phàng 112,23 ha; xã Thu Tà 204,95 ha; xã Trung Thịnh 219,58 ha; xã Xín Mần 83,06 ha.

### ***1.2.4. Khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)***

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) có diện tích là 32.541,48 ha, chiếm 55,48% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: Thị trấn Cốc Pài là 354,83 ha; xã Bản Dú là 1.036,06 ha; xã Bản Ngò 832,00 ha; xã Chế Là 1.270,58 ha; xã Chí Cà 780,40 ha; xã Cốc Ré 828,36 ha; xã Khuôn Lùng 2.827,88 ha; xã Nà Chì 6.165,63 ha; xã Nàn Ma 389,06 ha; xã Nàn Xín 1.228,75 ha; xã Nám Dẩn 2.566,95

ha; xã Pà Vầy Sủ 876,03 ha; xã Quảng Nguyên 7.083,59 ha; xã Tả Nhìu 1.030,79 ha; xã Thèn Phàng 1.127,74 ha; xã Thu Tà 1.712,17 ha; xã Trung Thịnh 1.603,36 ha; xã Xín Mần 827,32 ha.

#### **1.2.5. Khu du lịch**

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu du lịch huyện Xín Mần là 168,03 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, gồm 7 xã: xã Bản Dú là 6,99 ha; xã Chế Là 0,02 ha; xã Khuôn Lùng 37,90 ha; xã Nà Chì 39,07 ha; xã Nàn Ma 8,22 ha; xã Nám Dẩn 75,24 ha; xã Quảng Nguyên 0,59 ha.

#### **1.2.6. Khu thương mại - dịch vụ**

Ưu tiên quỹ đất tại các vị trí đẹp, trung tâm để xây dựng hệ thống thương mại, dịch vụ đồng bộ tại trung tâm huyện; tại trung tâm xã gắn với hệ thống phân phối, bán buôn bán lẻ, đồng thời bố trí quỹ đất thuận tiện giao thông gắn với trung tâm các xã để xây dựng chợ trung tâm xã, nâng cấp các điểm giao dịch thành chợ, đảm bảo cung cấp nhu yếu phẩm cần thiết cho sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân.

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu thương mại - dịch vụ huyện Xín Mần là 26,49 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó: Thị trấn Cốc Pài là 3,45 ha; xã Khuôn Lùng 1,40 ha; xã Nà Chì 3,70 ha; xã Nám Dẩn 1,26 ha; xã Pà Vầy Sủ 0,29 ha; xã Quảng Nguyên 1,10 ha; xã Tả Nhìu 0,50 ha; xã Thèn Phàng 0,73 ha; xã Trung Thịnh 0,23 ha; xã Xín Mần 13,82 ha.

#### **1.2.7. Khu dân cư nông thôn**

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu dân cư nông thôn huyện Xín Mần có diện tích là 931,00 ha, chiếm 1,59% tổng diện tích tự nhiên trong đó: xã Bản Dú là 47,61 ha; xã Bản Ngò 44,77 ha; xã Chế Là 38,26 ha; xã Chí Cà 48,58 ha; xã Cốc Ré 37,02 ha; xã Khuôn Lùng 56,64 ha; xã Nà Chì 94,01 ha; xã Nàn Ma 36,76 ha; xã Nàn Xín 63,23 ha; xã Nám Dẩn 52,48 ha; xã Pà Vầy Sủ 51,72 ha; xã Quảng Nguyên 68,47 ha; xã Tả Nhìu 59,90 ha; xã Thèn Phàng 54,13 ha; xã Thu Tà 39,93 ha; xã Trung Thịnh 83,34 ha; xã Xín Mần 54,16 ha.

#### **1.2.8. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn**

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn huyện Xín Mần có diện tích là 712,01 ha, chiếm 1,21% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: xã Bản Dú là 32,87 ha; xã Bản



Ngò 34,42 ha; xã Chế Là 35,27 ha; xã Chí Cà 34,61 ha; xã Cốc Rế 29,19 ha; xã Khuôn Lùng 44,12 ha; xã Nà Chì 72,12 ha; xã Nàn Ma 24,63 ha; xã Nàn Xín 50,06 ha; xã Nám Dẩn 38,48 ha; xã Pà Vầy Sủ 29,25 ha; xã Quảng Nguyên 54,25 ha; xã Tả Nhìu 50,22 ha; xã Thèn Phàng 46,544 ha; xã Thu Tà 29,744 ha; xã Trung Thịnh 66,495 ha; xã Xín Mần 39,73 ha.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý: Luật Đất đai 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xín Mần thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện, nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện quản lý đất Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, là căn cứ để thực hiện: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất đai để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trên cơ sở bám sát định hướng trong quy hoạch tỉnh Hà Giang, nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, để xây dựng huyện Xín Mần là huyện phát triển trên tất cả các lĩnh vực: Công nghiệp - xây dựng; Thương mại dịch vụ và du lịch; Nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Phát triển công nghiệp thân thiện môi trường đảm bảo công nghiệp xanh, sạch bền vững.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn huyện và cung cấp sản phẩm ra thị trường và có truy suất nguồn gốc xuất xứ của nông sản.

- Phát triển thương mại dịch vụ và du lịch theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của người tiêu dùng, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà cung cấp với giá trị sản phẩm mà người tiêu dùng thụ hưởng.

- Đối với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, chuyển đổi nghề nghiệp, được bố trí tái định cư và ưu tiên đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm và ưu tiên tuyển dụng lao động vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh và cụm công nghiệp trên địa bàn huyện...

## **II. KIẾN NGHỊ**

1. Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong sử dụng đất đai UBND huyện Xín Mần đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thẩm định, HĐND huyện Xín Mần thông qua, UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 để UBND huyện có cơ sở thực hiện việc quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của phương án, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để triển khai các dự án. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách để huyện có thể phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án quy hoạch sử dụng đất góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

